

DIC GROUP
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG DIC HOLDINGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS (Năm 2020)



I. Thông tin chung

1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các đối tác chiến lược và toàn thể cán bộ nhân viên!

Năm 2020 là một năm tình hình kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn và thiệt hại nặng nề do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19. Trước tình hình đó, đặt ra nhiều thách thức lớn cho tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau. Với một năm đầy biến động, đã làm cho thị trường kinh tế bị biến động và trong đó, Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings cũng gặp những khó khăn nhất định. Nhưng với sự nỗ lực, đồng hành của tất cả người lao động dưới sự định hướng, chỉ đạo kịp thời của HĐQT và Ban điều hành đã vượt qua được giai đoạn khó khăn và đạt được nhiều kết quả khả quan.



Cụ thể, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 320 tỷ đồng, tổng doanh thu đạt gần 468 tỷ đồng tăng 15% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt 32,2 tỷ đồng tăng 26% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này chính nhờ vào chiến lược phát triển cũng như tôn chỉ của công ty đúng đắn và phù hợp với từng giai đoạn phát triển, nhất là thời gian khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh vừa qua, cộng với đó là sự chuẩn bị một cách tích cực, nghiêm túc để đạt được những thành quả tốt đẹp và ngày càng khẳng định vị thế của doanh nghiệp trong ngành xây dựng.

Năm 2020 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong hành trình xây dựng và phát triển của Công ty khi đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 chính thức thông qua chuyển đổi DIC số 4 sang mô hình quản trị mới Công ty mẹ - Công ty con (gồm Công ty mẹ, 02 Công ty con thành viên và 01 Xí nghiệp trực thuộc) đồng thời đổi tên Công ty Cổ phần DIC số 4 thành Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings (viết tắt là DICcons).

Bên cạnh đó, vào tháng 10 năm 2020, DICcons đã chính thức chuyển niêm yết cổ phiếu từ Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) sang giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Việc DC4 niêm yết trên sàn HOSE là một bước đi tiếp nối các chuyển động mạnh mẽ của DICcons, giúp công ty nâng cao hình ảnh, vị thế và thương hiệu trên thương trường. Với các nhà đầu

tư, niềm yết trên HOSE sẽ giúp cổ phiếu DC4 tăng tính thanh khoản, tạo nên sức hấp dẫn đối với đối tác chiến lược và nâng cao khả năng huy động vốn dài hạn từ các tổ chức, định chế tài chính trong và ngoài nước, tạo tiền đề cho DICcons thực hiện chiến lược phát triển trong dài hạn.

Kính thưa Quý vị!

Tiếp nối những thành quả của năm 2020, bước sang năm 2021 là mốc thời gian quan trọng, là giai đoạn tăng tốc và tăng lực để phát triển mạnh hơn nữa các lĩnh vực hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh với doanh thu tăng 50% và lợi nhuận sau thuế tăng 25% so với năm 2020, cùng với việc tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng. Đây là thử thách nhưng cũng là động lực để tập thể DICcons cố gắng. Sự ủng hộ của Quý khách hàng cũng như các đối tác chính là động lực để DICcons vươn lên và phát triển hơn nữa.

Ngoài ra, DICcons sẽ tiếp tục triển khai các dự án về bất động sản như dự án khu nhà ở phường Long Toàn và khu nhà ở phường Kim Dinh thành phố Bà Rịa. Và đặc biệt là triển khai dự án chung cư Chí Linh Center 25 tầng tại TP. Vũng Tàu với tổng số vốn đầu tư 844 tỷ đồng, hứa hẹn sẽ cho ra những sản phẩm chất lượng, đáp lại sự tin tưởng của khách hàng.

Năm mới với chặng đường phát triển mới, chặng đường tăng tốc phát triển của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings, trong bối cảnh nền kinh tế đất nước được kỳ vọng là sẽ phát triển mạnh mẽ với nhiều cơ hội và thách thức mới. Chúng tôi luôn nhận thức rằng những thách thức và khó khăn đối với DICcons trong thời gian sắp tới là rất lớn, xuất phát từ việc mở rộng thị trường, mở rộng địa bàn hoạt động, tiếp cận các hoạt động nghiệp vụ mới.

Nhiệm vụ đặt ra trong năm 2021 là hết sức nặng nề, nhưng với chiến lược phát triển cũng như tôn chỉ đúng đắn cộng với sự ủng hộ từ các Cổ đông và đối tác. Chúng tôi cùng với toàn thể CBCNV lao động quyết tâm và tin tưởng rằng DICcons sẽ vững vàng phát triển trong giai đoạn mới, và thực hiện thành công mục tiêu là trở thành một Công ty lớn mạnh và có uy tín hàng đầu trong Ngành Xây dựng tại khu vực phía Nam và cả nước.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể Ban điều hành và cán bộ CNV lao động trong công ty đã cống hiến và làm việc hết mình. Đặc biệt tôi cũng xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông, quý đối tác chiến lược, các Nhà đầu tư luôn tin tưởng và đồng hành cùng DICcons trong suốt thời gian qua và mong muốn được tiếp tục hợp tác, đồng hành trong thời gian tới để cùng hướng đến tương lai bền vững và thịnh vượng!

Trân trọng cảm ơn !

2. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS**
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh : DIC Holdings Construction JSC
- Tên công ty viết tắt: DIC Cons
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500686978 (Số cũ 4903000146, đăng ký lần đầu ngày 28/01/2005, cấp lại mã số doanh nghiệp ngày 12/11/2008, thay đổi lần thứ 21 ngày 23/11/2020).
- Vốn điều lệ (vốn đầu tư của chủ sở hữu): 319.997.580.000 đồng
- Bằng chữ: Ba trăm mười chín tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng.
- Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower – Số 12, Đường 3 Tháng 2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Số điện thoại: 0254. 3613 518
- Số fax: 0254. 3585 070
- Website: www.diccons.vn
- Email : info@diccons.vn
- Mã cổ phiếu: DC4

3. Quá trình hình thành và phát triển

a) Thành lập và phát triển

Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings tiền thân là Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư Xây dựng được thành lập năm 1994 trực thuộc Công ty Xây dựng và Dịch vụ Du lịch (nay là Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng). Tháng 8 năm 2000, được đổi tên thành Xí nghiệp Xây dựng số 4, đến tháng 12 năm 2004 Xí nghiệp được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần DIC số 4 (quyết định số 1980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 09/12/2004).

- Ngày 20/09/2011 Công ty thành lập chi nhánh với tên giao dịch “ Chi nhánh Công ty Cổ phần DIC số 4 – Xí nghiệp Vật tư & Thương mại DIC ” giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500686978-003.
- Tháng 2/2018 Công ty chuyển trụ sở về Tòa nhà Ruby Tower – Số 12, Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu.
- Ngày 25/12/2019, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC (DIC Vật liệu) chính thức trở thành công ty con của Công ty Cổ phần DIC số 4 (sau khi Công ty hoàn tất nhận chuyển nhượng 8.499.982 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 96,59 % vốn điều lệ của DIC Vật liệu từ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng).
- Năm 2020, Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần DIC số 4 – Nhà máy cửa nhựa cao cấp Vinwindow thành Công ty TNHH MTV Vinawindow.

b) Cổ phần hóa và niêm yết

- Ngày 03/11/2008 Công ty niêm yết lần đầu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DC4; số lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu 2.000.000 cổ phiếu.
 - Ngày 20/10/2020, Công ty chuyển niêm yết từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội sang Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM với số lượng cổ phiếu niêm yết là 29.000.000 cổ phiếu.
 - Qua các lần tăng vốn đến cuối năm 2020 số lượng cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Hose là 31.999.758 cổ phiếu.
- c) Quá trình tăng vốn điều lệ
- Ngày 28/01/2005 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng.
 - Năm 2006 Công ty phát hành 320.000 cổ phần chào bán cho cổ đông tăng vốn điều lệ lên 8.200.000.000 đồng.
 - Quý 1 năm 2007 Công ty phát hành 180.000 cổ phần chào bán cho cổ đông tăng vốn điều lệ lên 10.000.000.000 đồng.
 - Quý 2 năm 2007 Công ty phát hành 1.000.000 cổ phần chào bán cho cổ đông tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 đồng.
 - Năm 2009 Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 21.399.960.000 đồng.
 - Năm 2010 Công ty phát hành 2.860.004 cổ phiếu trả cổ tức, chào bán cho cổ đông và chào bán ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng.
 - Năm 2014 Công ty phát hành 249.846 cổ phiếu trả cổ tức tăng vốn điều lệ lên 52.498.460.000 đồng.
 - Năm 2015 Công ty phát hành 262.215 cổ phiếu thưởng cho cổ đông tăng vốn điều lệ lên 55.120.610.000 đồng.
 - Năm 2017 Công ty phát hành 10% cổ phiếu trả cổ tức và thưởng cho cổ đông tăng vốn điều lệ lên 60.627.650.000 đồng.
 - Năm 2018 Công ty đã chào bán 3.937.235 cổ phần ra công chúng và chuyển đổi 10 tỷ đồng trái phiếu thành 1.000.000 cổ phần, nâng số cổ phần DC4 lưu hành lên 11.000.000 cổ phần. Vốn điều lệ công ty tại thời điểm cuối năm 2018 là 110.000.000.000 đồng.
 - Quý 2 năm 2019, Công ty phát hành 1.099.764 cổ phiếu trả cổ tức tăng vốn điều lệ lên 120.997.640.000 đồng.
 - Quý 3 năm 2019 Công ty phát hành 16.900.236 cổ phiếu chào bán riêng lẻ tăng vốn điều lệ lên 290.000.000.000 đồng.
 - Quý 1 năm 2020 Công ty phát hành 1.000.000 cổ phiếu chuyển đổi số lượng trái phiếu có giá trị 10 tỷ đồng tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

- Quý 3 năm 2020, Công ty đã phát hành thành công 1.499.758 cổ phiếu trả cổ tức cho năm tài chính 2019 và 500.000 cổ phiếu thưởng cho Người lao động công ty (ESOP) tăng vốn điều lệ lên 319.997.580.000 đồng.
- d) Các sự kiện khác
 - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thống nhất đổi tên công ty từ Công ty Cổ phần DIC số 4 thành Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings (viết tắt là DIC Cons).
 - Tháng 7 năm 2020, Công ty tổ chức thành công lễ kỷ niệm 15 năm chuyên đổi thành công ty cổ phần, công bố tên gọi mới : Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings ra mắt thương hiệu mới DICcons.
 - Tháng 10 năm 2020, Công ty đã hủy niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và chuyển sang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.
 - Trong năm, Công ty vinh dự được nhận Huân chương lao động hạng ba do Chủ tịch nước trao tặng vì *“Đã có những thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2014 đến năm 2018, góp phần vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”*.

4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Lập và thẩm định dự án; Kiểm định công trình xây dựng	7120
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chi tiết: Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, xây dựng nhà ở để bán, cho thuê văn phòng; Đầu tư xây dựng và quản lý nhà chung cư	6810
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công trình dân dụng và công nghiệp; Quản lý dự án xây dựng; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình; Khảo sát, lập dự án, thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình đo đạc và bản đồ; Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình; Tư vấn lập và đánh giá hồ sơ mời thầu, dự thầu; Quản lý vận hành chung cư;	7110

5	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công, lắp đặt các sản phẩm cơ khí xây dựng; Mạ kẽm, mạ màu, sơn tĩnh điện	2592
6	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho, bãi	5210
7	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi để san lấp mặt bằng cho các công trình dân dụng, công nghiệp và nền đường.	0810
8	Sản xuất sản phẩm từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất cửa nhựa, cửa gỗ cao cấp	1629
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ cho đầu tư và xây dựng	4663
10	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất cửa kim loại	2599
12	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
13	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản; Đấu giá bất động sản; Tư vấn bất động sản	6820
14	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
15	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công	7730
16	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông thủy lợi	4212
17	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây dựng công trình đường dây và trạm biến thế điện	4221
18	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng hệ thống cấp thoát nước	4222
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, nhà cao tầng, công trình cơ sở hạ tầng đô thị	4299 (Chính)
20	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322

21	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công các hạng mục phòng cháy chữa cháy cho các công trình dân dụng, công nghiệp	4329
22	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Thi công cấp dự ứng lực; Nạo vét luồng lạch	4390

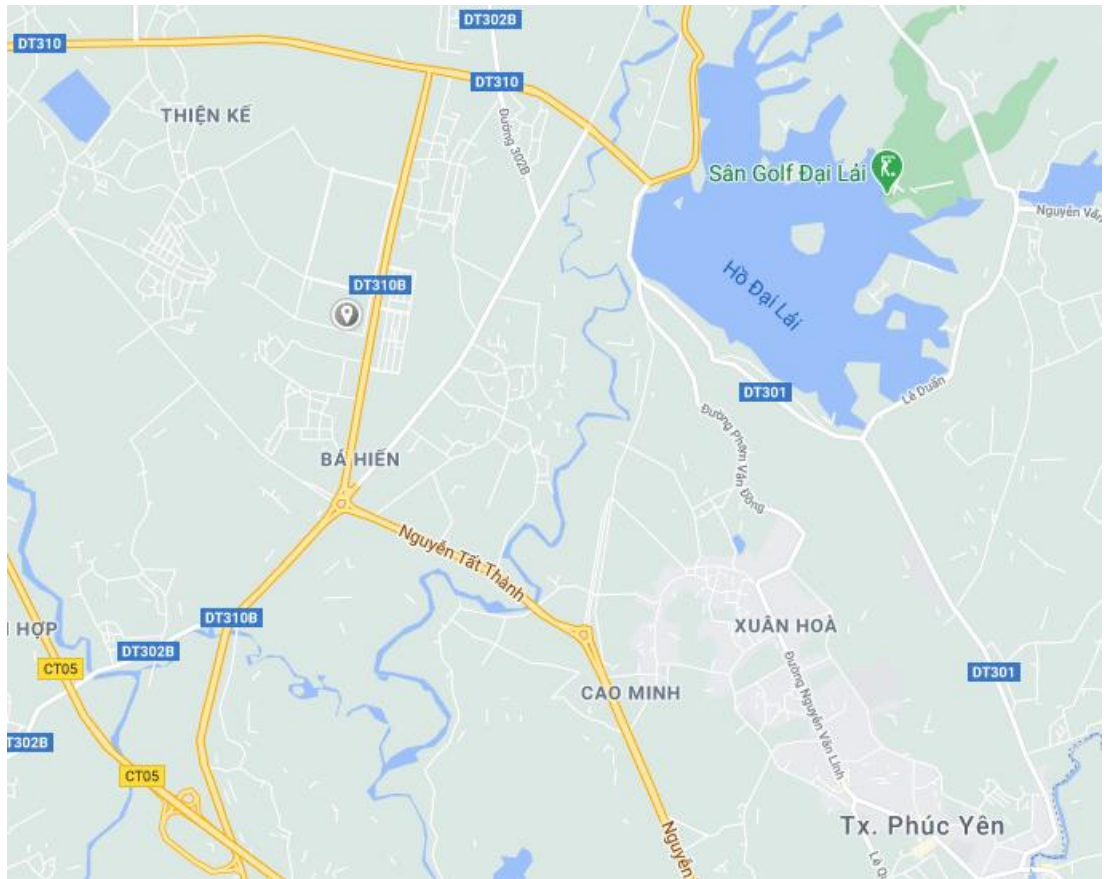
- Địa bàn hoạt động kinh doanh: Công ty là doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp và đầu tư nên có các hoạt động kinh doanh trải rộng khắp 3 miền đất nước, tuy nhiên địa bàn chính tập trung tại khu vực tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nơi có trụ sở chính của công ty và Đông Nam bộ.
- + Khu vực Miền Trung : Công ty đang thi công dự án Khu biệt thự du lịch sinh thái biển Lăng Cô Spa & Resort tại Thừa Thiên Huế.



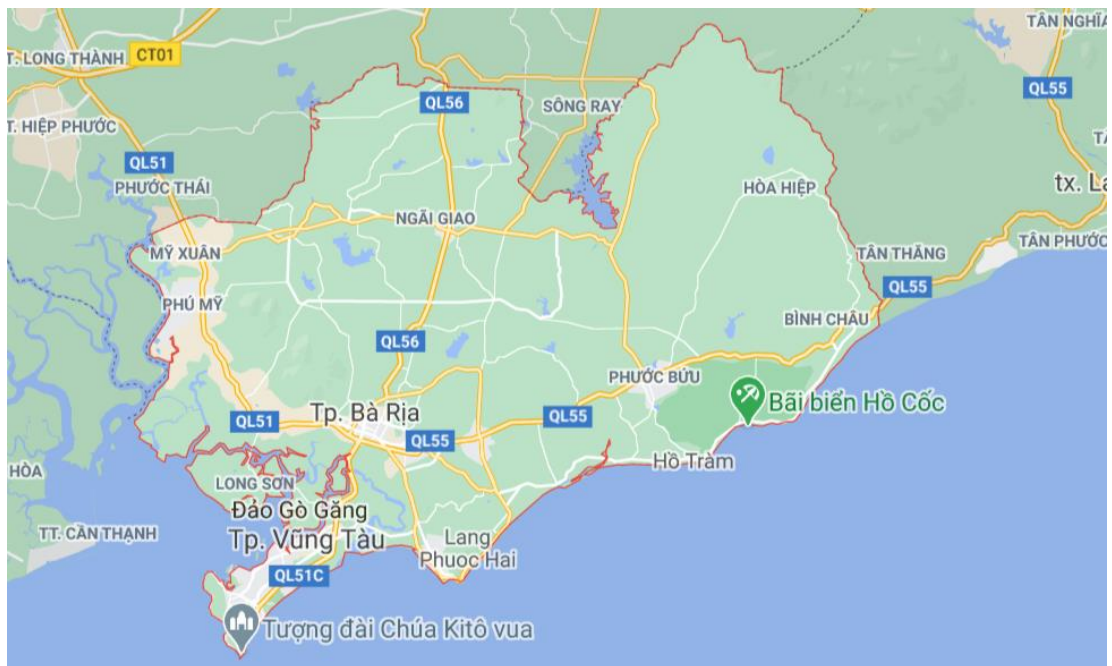
- + Khu vực Đông Nam bộ : Công ty đang thi công các công trình, dự án tại KDC An Sương, Quận 12, Tp.HCM.



- + Khu vực Miền Bắc : Công ty đang thi công công trình Tòa nhà điều hành 15 tầng – KCN bá Thiện – xã Thiện Kế - Huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc



- + Khu vực tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: là địa bàn hoạt động chính của Công ty với các công trình trọng điểm đang thi công như Gói thầu H&I-7 Tổ hợp Hóa dầu miền Nam, chung cư Gateway 30 tầng, chung cư Chí Linh Center 25 tầng, Tổ hợp Khách sạn và Căn hộ Du lịch- KDL Hải Minh, Bệnh viện Đa khoa thành phố Vũng Tàu, khách sạn 4 sao Kiều Anh Ocean View Hotel



5. Thông tin về mô hình quản trị, sơ đồ tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

5.1. Mô hình quản trị

- Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần trong đó đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (5 thành viên) và Tổng giám đốc.

5.2. Sơ đồ tổ chức



5.3 Cơ cấu bộ máy quản lý

- Ban điều hành công ty: Chủ tịch HĐQT (chuyên trách), Ban Tổng giám đốc (01 Tổng giám đốc điều hành, 01 Phó Tổng giám đốc kỹ thuật, 01 Phó Tổng giám đốc tài chính, 01 Phó Tổng giám đốc Vật tư thiết bị), Kế toán trưởng.
- Các phòng ban chức năng:
 - + Phòng Tài chính - Kế toán
 - + Phòng Hành chính - Nhân sự
 - + Phòng Kỹ thuật - thi công
 - + Phòng Kinh tế - Kế hoạch
 - + Phòng Vật tư - Thiết bị
 - + Ban Phát triển dự án

- Các ban điều hành/Ban chỉ huy công trường: Được thành lập tại công trường để điều hành và tổ chức thi công với nhân sự được điều động từ các phòng ban nhưng nòng cốt là các cán bộ của Phòng kỹ thuật thi công.

5.4. Các đơn vị trực thuộc

- Các chi nhánh:

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings - Xí nghiệp Vật tư & Thương mại DIC	Tòa nhà Ruby Tower – Số 12 Đường 3 tháng 2, Phường 8, Tp.Vũng Tàu	Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ cho đầu tư xây dựng	100%	Đang hoạt động

- Công ty con:

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC (DIC Vật liệu)	Áp Tân Châu, Xã Châu Pha, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	96,6%	Đang hoạt động
2	Công ty TNHH MTV Vinawindow	Đường số 12, KCN Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Tp.Vũng Tàu	Sản xuất cửa nhựa lõi thép, cửa thép chống cháy, cửa nhôm kính thương hiệu Vinawindow.	100%	Đang hoạt động

6. Định hướng phát triển

6.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- **Về xây lắp** : Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính là “Thi công xây lắp” với tỷ trọng ngành nghề chiếm từ 40% ÷ 50%, duy trì mức tăng trưởng trong lĩnh vực này hàng năm từ 15% trở lên, tạo việc làm ổn định cho người lao động.
Quán triệt sâu sắc ba tiêu chí: “**Chất lượng, tiến độ và an toàn vệ sinh lao động**” làm nền tảng xây dựng đưa DICcons trở thành một nhà thầu chuyên nghiệp trong

lĩnh vực thi công nhà cao tầng, để tạo lợi thế cạnh tranh và tạo nguồn công việc ổn định cho công ty.

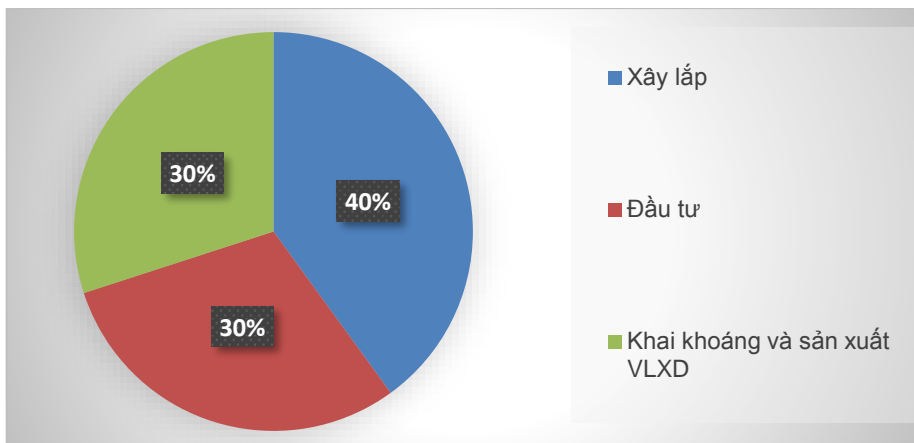
Nỗ lực nâng cao năng lực thi công bằng cách áp dụng những biện pháp thi công mới, đưa các công nghệ xây dựng hiện đại vào nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và tăng hiệu quả trong công việc.

- **Về đầu tư :** Tập trung nguồn vốn đầu tư các dự án Bất động sản tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và các địa phương lân cận với tỷ trọng ngành nghề định hướng từ 30%÷40% trong cơ cấu hoạt động của công ty, tạo thu nhập và nguồn công việc cho hoạt động xây lắp. Các dự án bao gồm các khu căn hộ cao cấp, các khu nhà ở và đô thị sinh thái. Các dự án trọng điểm đang được công ty gấp rút triển khai gồm Chung cư cao cấp Chí Linh Center – TP. Vũng Tàu, Khu nhà ở Phường Phước Hưng và Khu nhà ở Phường Kim Dinh – TP. Bà Rịa.
- **Khai khoáng :** Với việc đang sở hữu mỏ đá 3A và mỏ sét tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC (công ty con của DICcons) có nhiều thuận lợi để phát triển sản xuất kinh doanh mang lại nguồn lợi nhuận cao hàng năm, do đó mục tiêu phát triển là tiếp tục mở rộng quy mô mỏ để gia tăng trữ lượng khai thác đá hàng năm.
- **Sản xuất :** Để tận dụng nguồn vật liệu tại mỏ đá và mặt bằng sẵn có, DICcons sẽ đầu tư xây dựng thêm 01 nhà máy sản xuất Cấu kiện bê tông đúc sẵn và Cọc bê tông ly tâm trong năm 2021 để phục vụ cho nhu cầu xây dựng trong tập đoàn DIC và tại khu vực Đông Nam bộ.

Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng các sản phẩm cửa của Công ty TNHH MTV Vinawindow để gia tăng thị phần, xây dựng thương hiệu mạnh và cung cấp các sản phẩm phục vụ cho hoạt động thi công của Công ty mẹ.

6.2. Chiến lược trung và dài hạn

- Dựa trên chiến lược ngắn hạn để ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và tạo nguồn lực chuẩn bị tốt cho kế hoạch dài hạn.
- Định hướng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn với tỷ trọng các ngành nghề như sau:



- Từng bước nâng cao năng lực tài chính, chủ động hoàn toàn về kế hoạch tài chính cho các hoạt động SXKD.
- Dự kiến đến năm 2025 Công ty sẽ tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng để đáp ứng nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Phân đầu trở thành doanh nghiệp xây lắp có thương hiệu mạnh trên thương trường, đến năm 2025 nằm trong Top 20 doanh nghiệp xây lắp hàng đầu của cả nước, có đủ khả năng tham gia nhận thầu, tổng thầu EPC các dự án với giá trị hàng ngàn tỷ đồng.
- Lựa chọn đầu tư những dự án hiệu quả mang lại giá trị lợi nhuận cao, gia tăng giá trị doanh nghiệp.
- Đầu tư phát triển các dự án nhà ở thương mại kết hợp kinh doanh dịch vụ tạo ra nguồn thu thường xuyên cho công ty, và nguồn công việc cho lĩnh vực xây lắp và sản xuất giúp cho doanh nghiệp phát triển một cách ổn định.
- Vận dụng sáng tạo trong công tác điều hành, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng được chiến lược phát triển, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Phân đầu từng bước đưa chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hàng năm của công ty đạt tối thiểu từ 15% vốn điều lệ trở lên, đồng thời chia cổ tức cho cổ đông hàng năm từ 7-10%/vốn điều lệ.

6.3. Các mục tiêu phát triển bền vững về môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Về môi trường: Công ty phát triển sản xuất kinh doanh nhưng luôn quan tâm giữ gìn môi trường, luôn áp dụng các công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường trong sản xuất kinh doanh. Trong quá trình thi công không sử dụng các sản phẩm độc hại và luôn chú trọng đến vệ sinh môi trường tại khu vực các công trường.
- Về xã hội: đối với các hoạt động xã hội hàng năm đều đóng góp ủng hộ các quỹ từ thiện, thăm hỏi, tặng quà cho những gia đình nghèo và hỗ trợ người lao động gặp khó khăn.
- Về cộng đồng: Công ty định hướng phát triển các dự án nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp góp phần vào an sinh xã hội của cộng đồng. Luôn tích cực tham gia hoặc quyên góp vào các phong trào do địa phương phát động.

7. Các rủi ro

- Rủi ro về dịch bệnh: Trước diễn biến phức tạp và sự lây lan của dịch Covid 19 đã tạo ra những bất ổn về kinh tế, có những thời điểm phải thực hiện giãn cách xã hội đã tạo ra tình trạng khó khăn cho Công ty khi phải đối mặt với nhiều vấn đề và thách thức.
- Rủi ro về thị trường: Là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp do đó Công ty chịu nhiều sự ảnh hưởng của thị trường bất động sản và chính sách

quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước. Khi thị trường bất động sản tăng trưởng thì công ty có nhiều cơ hội việc làm để phát triển và khi thị trường bất động sản suy giảm dẫn đến việc sản xuất kinh doanh của công ty cũng gặp những khó khăn nhất định.

- Rủi ro về các chính sách: Chính sách về thuế, lao động hoặc tiền lương của Nhà nước luôn có nhiều ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Các dự án của Công ty bị tác động nhiều bởi các chính sách đất đai do Nhà nước và tỉnh ban hành.
- Rủi ro về lãi suất tín dụng: Doanh nghiệp xây lắp phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay ngân hàng, khi ngân hàng tăng lãi suất cho vay hoặc hạn chế cho vay sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Rủi ro về thu hồi vốn các công trình: Đối với những công trình do Chủ đầu tư gặp khó khăn về nguồn tài chính dẫn đến chậm thanh toán cũng làm ảnh hưởng đến nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rủi ro về nhân sự: Là doanh nghiệp xây dựng nên nhân sự hay có sự biến động trong ngắn hạn, đặc biệt là sự chuyển dịch kỹ sư xây dựng và công nhân có tay nghề cao giữa các đơn vị trong cùng ngành. Việc tuyển dụng và đào tạo nguồn lao động mới đôi khi không đáp ứng kịp với sự thay đổi về nhân sự đã tạo ra một khoảng trống ngắn hạn làm ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của Công ty.
- Rủi ro về an toàn lao động: Đặc điểm ngành xây dựng là phần lớn người lao động làm việc trong môi trường nguy hiểm cao, vì vậy việc chấp hành các quy định về sinh an toàn lao động tại các công trường luôn được công ty đặc biệt chú trọng hạn chế không để xảy ra tai nạn vì nếu để xảy ra tai nạn lao động ngoài việc ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần người lao động còn ảnh hưởng lớn đến uy tín, hình ảnh và vật chất của công ty cũng như sự tín nhiệm của chủ đầu tư và các khách hàng tiềm năng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

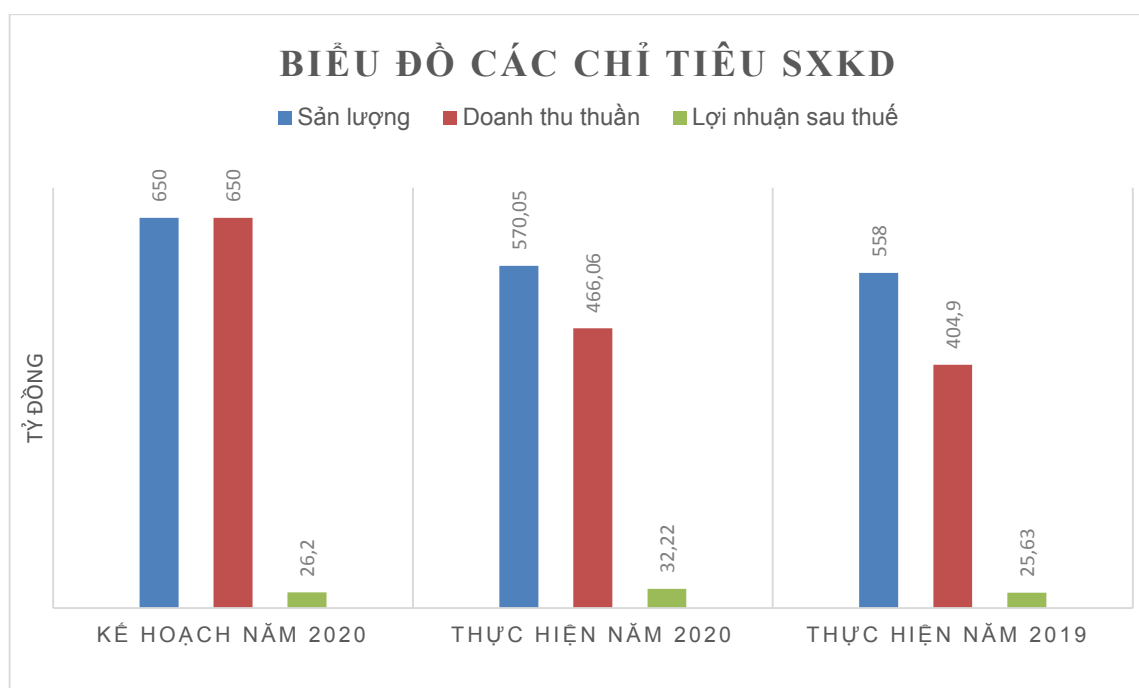
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất trong năm:
 - + Giá trị tổng sản lượng thực hiện: 570,05 tỷ đồng.
 - + Tổng doanh thu: 467,73 tỷ đồng (doanh thu thuần 466,06 tỷ đồng; thu nhập khác 0,77 tỷ đồng; doanh thu tài chính 0,9 tỷ đồng)
 - + Lợi nhuận sau thuế: 32,22 tỷ đồng.
 - + Chi trả cổ tức (trả cổ tức năm tài chính 2019): 7%/vốn điều lệ (5% cổ tức bằng cổ phiếu và 2% cổ tức bằng tiền mặt). Đối với mức cổ tức của năm 2020 sẽ được chi trả trong năm 2021 sau khi được Đại hội cổ đông thông qua).

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2020 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2019 (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành / KH(%)	Biến động tăng/giảm so với cùng kỳ (%)
B	1	2	3	4=2/1	5=(2-3)/3
Sản lượng	650	570,05	558	87,7%	102,2%
Xây lắp	-	343,39	426,4	-	80,5%
Sản xuất cửa các loại	-	54,53	48,029	-	113,5%
Kinh doanh Bất động sản	-	87,31	25,6	-	341,0%
Kinh doanh Vật liệu xây dựng	-	84,83	-	-	-
Doanh thu thuần	650	466,06	404,9	71,70	15,10
Xây lắp	-	250,33	340	-	(26,37)
Kinh doanh vật tư	-	86,8	5,6	-	1.450
Cửa nhựa, cửa chống cháy	-	43,80	36,1	-	21,33
Doanh thu dịch vụ +khác	-	85,13	23,2	-	266,94
Lợi nhuận trước thuế	33,2	37,77	32,2	113,76	17,30
Lợi nhuận sau thuế	26,2	32,22	25,63	122,98	25,68
Lãi CB/CP (vnd)	-	993	1.357	-	(26,82)
Cổ tức	5%÷10%	5%÷10%	7%	-	-

(Dự kiến chi trả trong năm 2021)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch và năm trước:



- + Giá trị tổng sản lượng thực hiện năm 2020 bằng 88% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 2% so với thực hiện năm 2019.
 - + Tổng doanh thu thực hiện năm 2020 bằng 72% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 15% so với thực hiện năm 2019.
 - + Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2020 bằng 123% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 26% so với thực hiện năm 2019.
 - + Tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm tài chính 2020 dự kiến 7%÷10%, bằng hoặc vượt mức so với thực hiện cho năm tài chính 2019.
- *Nguyên nhân sản lượng và doanh thu thực hiện thấp hơn kế hoạch:*
- + Do ảnh hưởng từ tình hình dịch bệnh Covid 19 và yêu cầu giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh của Chính phủ trong những tháng đầu năm nên tiến độ thi công cũng như thanh toán của nhiều công trình bị chậm và dẫn tiến độ.
 - + Dự án Văn phòng kết hợp chung cư TDC (Ruby Tower) do một số thủ tục chưa hoàn thành nên trong năm công ty chưa hạch toán doanh thu bất động sản (gần 100 tỷ đồng), nhiều công trình nằm trong kế hoạch nhận thầu thi công chưa được triển khai do chủ đầu tư điều chỉnh kế hoạch thi công.
 - + Tình hình thời tiết không thuận lợi nên dự án Lăng cô Resort tại Thừa Thiên - Huế triển khai chậm hơn kế hoạch làm giảm doanh thu khoảng 30 tỷ đồng. Công trình đường Nguyễn Hữu Cảnh – TP.Vũng Tàu do vướng mắc giải phóng mặt bằng nên giảm doanh thu khoảng 18 tỷ ...
 - + Công trình chung cư Chí Linh Center triển khai chậm do một số thủ tục là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc Công ty không hoàn thành kế hoạch sản lượng và doanh thu năm 2020.

2. Tổ chức và nhân sự

- **Danh sách Ban điều hành:**

- | | |
|--------------------------------|---|
| (1) Ông Lê Đình Thắng | – Chủ tịch HĐQT chuyên trách |
| (2) Ông Nguyễn Văn Đa | – Tổng giám đốc điều hành |
| (3) Ông Nguyễn Văn Tần | – Phó Tổng giám đốc (đến ngày 31/07/2020) |
| (4) Bà Nguyễn Tuyết Hoa | – Phó Tổng giám đốc |
| (5) Ông Võ Trung Kiên | – Phó Tổng giám đốc |
| (6) Bà Nguyễn Thị Thanh Phương | – Kế toán trưởng |

- **Tóm tắt lý lịch cá nhân trong ban điều hành :**

(1) Lê Đình Thắng – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

- + Năm sinh : 1976. Quê quán : Vân Sơn, Triệu Sơn, Thanh Hóa.
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế Xây dựng, cử nhân kinh tế, thạc sỹ quản trị kinh doanh quốc tế (MBA).

- + Quá trình công tác :
 - Từ 10/1997 đến 06/1998: Kế toán tại Phòng Giáo dục huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
 - Tháng 8/1998: Kế toán tổng hợp cho Công ty Nam Á tại Tp.Vũng Tàu.
 - Tháng 1/1999: Kế toán tổng hợp cho nhà nghỉ Học viện Chính trị Quốc gia Tp.Vũng Tàu.
 - Tháng 03/2000: Kế toán tổng hợp cho Trung Tâm Thương mại viễn thông và Công ty kính xe hơi Tp.HCM.
 - Tháng 09/2000: Kế toán tại Xí nghiệp Xây dựng số 4 (sau là Công ty Cổ phần DIC số 4).
 - Tháng 05/2002 được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.
 - Đến tháng 07/2006 giữ chức Phó Giám đốc thường trực, từ năm 2007 đến tháng 04/2013 là Tổng Giám đốc Công ty.
 - Từ 05/2013 đến 06/2014: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
 - Từ 07/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần DIC số 4 (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings).
- + Số cổ phần sở hữu và đại diện (31/12/2020) : 12.338.622 cổ phần
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân : 3.375.865 cổ phần
 - Số cổ phần đại diện DIC Corp : 8.962.757 cổ phần
 - Tỷ lệ sở hữu (cổ phần sở hữu và đại diện /số cổ phần đang lưu hành): 38,56%

(2) Nguyễn Văn Đa – Tổng giám đốc Công ty

- + Năm sinh : 1972. Quê quán : Hồng Quang, Nam Trực, Nam Định
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế Xây dựng.
- + Quá trình công tác :
 - Từ 06/1996 đến 03/1997: Cán bộ kỹ thuật Công ty Vật liệu Xây dựng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
 - Từ 03/1997 đến 03/1999: Cán bộ kỹ thuật Công ty Xây dựng số 14, Tổng Công ty Xây dựng Số 1.
 - Từ 03/1999 đến 06/2014: Cán bộ Kỹ thuật, Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 05/2013 đến 07/2014: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty.
 - Từ 07/2014 đến 31/12/2020: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DIC số 4 (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings).
- + Số cổ phần nắm giữ (31/12/2020): 413.452 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,29% trên số cổ phần đang lưu hành.

(3) Nguyễn Văn Tản – Phó Tổng giám đốc Công ty

- + Năm sinh : 1960. Quê quán: Liên Hòa, Kim Thành, Hải Dương
- + Trình độ chuyên môn: Trung cấp Xây dựng.
- + Quá trình công tác:
 - 1983 – 1986: Công nhân Công ty Dầu Khí.
 - 1986 – 1989: Được cử đi học ở trường Trung học XD Tuy Hòa, Phú Yên.
 - 1989 – 1990: Nhân viên Công ty Xây Dựng Dầu Khí
 - 1990 – 1993: Nhân viên cung cấp vật tư của Trạm kinh doanh vật tư – Nhà nghỉ Bộ Xây Dựng.
 - 1993 – 1998: Trưởng cửa hàng kinh doanh vật tư Xây dựng, thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Du lịch.
 - 1998 – 2004: Phụ trách cung ứng vật tư của Xí nghiệp Xây dựng số 4, Công ty Đầu tư Phát Triển Xây dựng
 - 2004 – 2005: Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 4
 - 2005 – 2009: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 2009 đến 31/07/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 01/08/2020 đến nay: Nghỉ hưu
- + Số cổ phần nắm giữ (31/12/2020): 58.348 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,18% trên số cổ phần đang lưu hành.

(4) Nguyễn Tuyết Hoa – Phó Tổng giám đốc Công ty

- + Năm sinh : 1969. Quê quán: Kim Bảng, Hà Nam
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- + Quá trình công tác:
 - Từ 1991 đến 1993: Nhân viên phòng Đầu tư Công ty điện tử Hà Nội.
 - Từ 1993 đến 1996: Nhân viên kế toán Công ty Đèn hình Orion Hanel – Hà Nội.
 - Từ 1996 đến 1998: Nhân viên kế toán Sở Giao thông vận tải, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - Từ 2002 đến 2003: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Phúc Thuận.
 - Từ 01/2004 đến 12/2004: Nhân viên kế toán tổng hợp Xí nghiệp Xây dựng số 4, Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng, Bộ Xây dựng, nay là Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 01/2005 đến 06/2006: Nhân viên kế toán tổng hợp Công ty.
 - Từ 07/2006 12/2017: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ tháng 01/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings).
 - Từ 01/06/2019 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC.

- + Số cổ phần nắm giữ (31/12/2020): 53.589 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,17% trên số cổ phần đang lưu hành.

(5) Võ Trung Kiên – Phó Tổng giám đốc Công ty

- + Năm sinh: 1982. Quê quán: Xã Phúc Đồng – huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.
- + Quá trình công tác:
 - Từ 11/2011 - 10/2014: Chỉ huy trưởng công trình Bệnh viện đa khoa Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu của Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 11/2014 - 6/2016: Chỉ huy trưởng công trình chung cư Phoenix của Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 07/2016 - 12/2017: Chỉ huy trưởng công trình Vinhomes Golden River của Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Từ 01/2018 - 08/2018: TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật Xây dựng INCOTECH.
 - Từ 09/2018 - 05/2019: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng La Giang.
 - Từ 15/05/2019 đến 31/12/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DIC số 4 (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings)..
- + Số cổ phần nắm giữ (31/12/2020): 21.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,07% trên số cổ phần đang lưu hành.

(6) Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kế toán trưởng Công ty

- + Năm sinh: 1980. Quê quán: Hạ Lễ, Ân Thi, Hưng Yên
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- + Quá trình công tác:
 - Tháng 10/2002 đến tháng 06/2014: Làm nhân viên kế toán tại Xí nghiệp Xây dựng Số 4 trực thuộc Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng - Bộ Xây dựng, sau là Công ty Cổ phần DIC số 4.
 - Tháng 07/2014 đến tháng 12/2017: Phó phòng kế toán Công ty.
 - Tháng 01/2018 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần DIC số 4 (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings).
- + Số cổ phần nắm giữ (31/12/2020): 68.152 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% trên số cổ phần đang lưu hành.
- Những thay đổi trong Ban điều hành: Công ty có sự thay đổi Phó Tổng giám đốc trong Ban điều hành, cụ thể như sau:
 - + Ngày 01/08/2020 miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Vật tư Thiết bị của ông Nguyễn Văn Tàn để nghỉ hưu theo chế độ.
- Số lượng cán bộ, nhân viên (không tính hơn 600 công nhân xây dựng):

- + Tổng số lao động bình quân trong năm : 189 người
- Trong đó : Lao động dài hạn : 163 người
- Lao động ngắn hạn : 26 người
- + Chính sách đối với người lao động :
 - Người lao động ký hợp đồng với công ty được hưởng đầy đủ các chế độ phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động (tại các công trường).
 - Hàng năm được khám sức khỏe định kỳ và đi tham quan du lịch.
 - Công ty luôn quan tâm đến đời sống người lao động, tổ chức thăm hỏi CBCNV khi hiếu, hỷ hoặc ốm đau thai sản ...
 - Được nhận đầy đủ các khoản tiền lương, tiền thưởng, được nghỉ các ngày lễ tết, làm việc ngoài giờ được tính lương tăng ca theo quy định của nhà nước.
 - Hàng năm con em CBCNV lao động có thành tích học tập xuất sắc được Công ty khen thưởng.
 - Người lao động được công ty cử tham dự các khóa học để nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn, được tập huấn các khóa cập nhật kiến thức về pháp luật.
 - Người lao động tại tòa nhà văn phòng công ty được tập huấn đầy đủ phòng cháy chữa cháy và kỹ năng thoát hiểm nếu xảy ra sự cố.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

a. Các dự án tiêu biểu:

- ***Dự án Văn phòng làm việc kết hợp chung cư - TDC (Ruby Tower):***



- + Vị trí: Tọa lạc tại số 12 Đường 3 tháng 2, Phường 8, Tp.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- + Quy mô dự án: có tổng mức đầu tư hơn 100 tỷ đồng, chiều cao 15 tầng, trong đó có 5 tầng là khối văn phòng làm trụ sở công ty + cho thuê và 10 tầng khối căn hộ với 54 căn.
- + Tiến độ thực hiện: đã hoàn thành đưa vào sử dụng và đang hoàn tất các thủ tục pháp lý cấp sổ cho người mua.

- ***Dự án chung cư cao cấp Chí Linh Center :***



- + Vị trí: Dự án chung cư “ Chí Linh Center ” tại Đường 2 tháng 9, Khu trung tâm đô thị Chí Linh, thành phố Vũng Tàu và nằm trên nút giao thông đường 51B (đường 2/9) với mặt đường rộng 62m và đường Nguyễn Hữu Cảnh rộng 36m.
- + Quy mô dự án: Đây là dự án thành phần thuộc dự án Khu trung tâm Chí Linh đã được phê duyệt thiết kế cơ sở, có diện tích 7.482 m², chiều cao công trình 25 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng là 98.187m², gồm 600 căn hộ. Tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 844 tỷ đồng.
- + Tiến độ thực hiện: 2020 ÷ 2023 sẽ thi công hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, bàn giao căn hộ cho khách hàng.

- ***Dự án Khu nhà ở phường Long Toàn, Tp.Bà Rịa:***



- + Vị trí: Phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- + Quy mô dự án: Tổng diện tích khu đất là 3.799,8m² với căn nhà 30 căn liên kế có tổng vốn đầu tư khoảng 57,6 tỷ đồng.
- + Tiến độ thực hiện: dự kiến hoàn thành trong năm 2023 và đưa dự án vào khai thác sử dụng.

- **Dự án Khu nhà ở phường Kim Dinh, Tp.Bà Rịa:**



- + Vị trí: Km 61 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- + Quy mô dự án: Tổng diện tích khu đất là 66.144 m² với thiết kế 276 căn (gồm nhà vườn 170 căn và nhà liên kế 106 căn) và có vốn đầu tư khoảng 538 tỷ đồng.
- + Tiến độ thực hiện: dự kiến hoàn thành trong năm 2023 và đưa dự án vào khai thác sử dụng.

b. Tiến độ sử dụng vốn từ việc phát hành chào bán chứng khoán:

- Tên chứng khoán chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười ngàn đồng)
- Số lượng chứng khoán đã bán: 16.900.236 cổ phiếu
- Tổng số vốn huy động: 169.002.360.000 đồng
- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 28/08/2019
- Thời điểm báo cáo tiến độ: trong năm 2020

TT	Nội dung giải ngân	Số tiền đã giải ngân
I	Bổ sung vốn cho dự án “Chung cư Chí Linh Center”	34.603.048.000
1	Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng 1.470,09 m2 đất thuộc khu đất A2-1 theo phụ lục hợp đồng số 56/2019/HDDA-1.TTCL (của hợp đồng số 56/2016/ HDDA2-1.TTCL ngày 16/12/2016)	29.648.048.000
2	Thanh toán hợp đồng thiết kế Chung cư A2 của dự án “Chung cư Chí Linh Center”	4.955.000.000
II	Thanh toán tiền chuyển nhượng 100 % vốn góp của Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng tại Công ty CP vật liệu xây dựng DIC	93.279.802.000
II	Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất KD	41.119.510.000
1	Thanh toán tiền mua gạch ốp lát - Công trình Vũng Tàu Gateway cho Công ty TNHH Kim Hưng Phát	14.000.000.000
2	Thanh toán tiền thi công HM kiến trúc hoàn thiện - CT Vũng Tàu Gateway cho Công ty TNHH Vũ Đức Trọng	10.000.000.000
3	Thanh toán tiền thi công HM kiến trúc hoàn thiện - CT Vũng Tàu Gateway cho Công ty TNHH PT XD Nam Hải	10.000.000.000
4	Thanh toán tiền thi công hạng mục M&E - CT Vũng Tàu Gateway cho Công ty TNHH XD TM Năm Huy	3.500.000.000
5	Thanh toán tiền thi công hạng mục M&E - CT Vũng Tàu Gateway cho Công ty TNHH ĐT TM DV Mạnh Cường	3.619.510.000
Tổng cộng		169.002.360.000

3.2 Các công ty con:

Theo Nghị quyết HĐQT 23/NQ-HĐQT.DIC4 ngày 31/03/2020 HĐQT đã thông qua việc Giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần DIC số 4 – Nhà máy cửa nhựa cao cấp Vinawindow và thành lập Công ty TNHH MTV Vinawindow.

a. Công ty TNHH MTV Vinawindow:

- Tóm tắt về tình hình hoạt động:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Số cuối năm (31/12/2020)
1	Tổng tài sản	đồng	23.535.345.251
1.1	Tài sản ngắn hạn	đồng	22.533.751.622
1.2	Tài sản dài hạn	đồng	1.001.593.629
2	Nợ phải trả	đồng	13.277.185.270
2.1	Nợ ngắn hạn	đồng	13.277.185.270
2.2	Nợ dài hạn	đồng	0
3	Vốn chủ sở hữu	đồng	10.258.159.981
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	6.019.104.203

- + Công ty TNHH MTV Vinawindow được đầu tư vốn thành lập theo Quyết định đầu tư vốn số 26A/QĐ-DIC4 ngày 01/04/2020 của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502422138 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 04 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.
- + Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng Việt Nam.
- + Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, lắp đặt cửa nhựa, cửa gỗ cao cấp; sản xuất, lắp đặt cửa kim loại, cửa nhôm, cửa chống cháy.
- + Công ty hoạt động theo loại hình TNHH MTV do tổ chức làm chủ sở hữu được tổ chức quản lý theo mô hình: Chủ tịch công ty (Người đại diện theo Pháp luật), Giám đốc.
- + Để đảm bảo quá trình hoạt động được hiệu quả, Công ty có thành lập các bộ phận như sau:
 - Kiểm soát viên.
 - Ban giám đốc: gồm 01 Quyền giám đốc và 02 Phó giám đốc
 - Phòng Kế toán – Tổng hợp
 - Phòng Kỹ thuật – Kinh doanh
- + Nhân sự chủ chốt:
 - Ông Lê Đình Thắng - Chủ tịch Công ty
 - Bà Lương Thị Châu - Kiểm soát viên

- Ông Nguyễn Văn Mạnh giữ chức Giám đốc từ ngày 29/04/2020 đến ngày 02/11/2020.
- Ông Bùi Hồng Minh giữ chức Quyền giám đốc từ ngày 02/11/2020.
- Ông Nguyễn Thanh Sơn giữ chức Phó giám đốc từ ngày 29/04/2020.
- Ông Nguyễn Văn Mạnh giữ chức Phó Giám đốc từ ngày 03/11/2020.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy giữ chức Kế toán trưởng kiêm TP KT-TH.
- Ông Trần Công Hoan giữ chức Trưởng phòng Kỹ thuật – Kinh doanh

- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019 (Chi nhánh của DICcons)	Năm 2020 (Công ty TNHH MTV Vinawindow)	(%) tăng/ giảm
Tổng giá trị sản lượng	đồng	48.047.520.000	36.228.991.071	75,4%
Tổng doanh thu	đồng	33.881.136.289	48.657.631.205	143,6%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	1.752.062.854	5.163.199.614	294,7%

- + Tổng doanh thu đạt 48.657.631.205 đồng, vượt mức 14% so với kế hoạch.
- + Lợi nhuận sau thuế: 5.163.199.614 đồng, đạt 156% so với kế hoạch đề ra.
- + Các chỉ số tài chính cơ bản :
 - Tổng nợ/Tổng tài sản : 0,56
 - Doanh thu thuần/Tổng tài sản: 2,07
- + Về cơ bản các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính của Công ty tương đối tốt, việc sử dụng tài sản của Công ty vào sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

b. Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC:

- Tóm tắt về tình hình hoạt động:

Stt	Chỉ Tiêu	Đvt	Số đầu năm	Số cuối năm
1	Tổng tài sản	đồng	55.114.412.195	61.034.494.055
1.1	Tài sản ngắn hạn	đồng	28.983.044.635	36.435.795.442
1.2	Tài sản dài hạn	đồng	20.131.367.560	24.598.698.613
2	Nợ phải trả	đồng	28.044.859.524	15.156.357.094
2.1	Nợ ngắn hạn	đồng	26.441.595.788	12.956.193.784
2.2	Nợ dài hạn	đồng	1.603.263.736	2.200.163.340
3	Vốn chủ sở hữu	đồng	27.069.552.671	45.878.136.961

- + Trong năm về cơ cấu tổ chức được ổn định (do tái cấu trúc từ năm trước).
- + Hoạt động kinh doanh chủ yếu là khai thác và chế biến đá xây dựng; khai thác thác đất sét tại mỏ sét Mỹ Xuân 3.
- + Tài sản mua sắm trong năm mua thêm 01 xe xúc để phục vụ công tác bán hàng.

- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019	Năm 2020	(%) tăng/ giảm
Tổng giá trị sản lượng	đồng	43.344.724.890	85.620.627.500	197,5
Tổng doanh thu	đồng	52.688.433.978	86.064.212.456	163,3
Lợi nhuận sau thuế	đồng	9.684.374.428	18.808.584.290	194,2
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	1.100	2.137	112,5

- + Đánh giá về các hoạt động tài chính trong năm 2020.
 - Năm 2020 về nguồn vốn đơn vị, chủ động, không bị lệ thuộc vào nguồn vốn đi vay hay tài trợ của Công ty mẹ.
 - Vấn đề thu hồi công nợ tương đối tốt, tuy nhiên vẫn còn một số khách hàng thanh toán chậm.
- + Thanh toán các khoản phải trả rất tốt như: Trả lương thưởng, nợ khách hàng cung cấp dịch vụ, vật tư cho sản xuất; Nộp ngân sách và bảo hiểm XH, BHYT, BHTN đầy đủ, đúng hạn...

4. Tình hình tài chính trên báo cáo hợp nhất

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019	Năm 2020	(%) tăng/ (giảm)
Tổng giá trị tài sản	đồng	659.206.587.702	622.333.241.237	(5,59)
Doanh thu thuần	đồng	404.950.105.259	466.063.127.561	15,09
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	đồng	30.232.211.600	37.942.927.142	25,50
Lợi nhuận khác	đồng	1.958.198.477	(176.554.627)	(109,01)
Lợi nhuận trước thuế	đồng	32.190.410.077	37.766.372.515	17,32
Lợi nhuận sau thuế	đồng	25.633.957.186	32.217.429.687	25,68
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	7 %	Dự kiến 5% -10%	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn : Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	1,75	2,09
+ Hệ số thanh toán nhanh : (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	0,74	1,13
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,49	0,41
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	0,95	0,68
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho : Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	1,40	1,44
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,61	0,75
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	0,07
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,08	0,09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,05
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,07	0,08

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần niêm yết : 31.999.758 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 31.999.758 cổ phần
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 31.499.754 cổ phần
- + Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 500.000 cổ phần
(hết hạn chế chuyển nhượng vào ngày 08/09/2022)

- **Cơ cấu cổ đông năm 2020 (theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2020 của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam):**

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	% vốn điều lệ
I	Cổ đông lớn	3	24.579.803	76,81%
	Cổ đông nhỏ	792	7.419.955	23,19%
II	Cổ đông tổ chức	21	23.488.516	73,40%
	Cổ đông cá nhân	774	8.511.242	26,60%
III	Cổ đông trong nước	791	31.922.720	99,76%
	Cổ đông nước ngoài	4	77.038	0,24%
IV	Cổ đông nhà nước	0	0	0,00%
	Cổ đông khác	795	31.999.758	100%

5.2. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Các đợt tăng vốn cổ phần của Công ty:

Stt	Phát hành tăng vốn	Nội dung chi tiết
1	Tăng vốn đợt 01 ngày 30/11/2006	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành chào bán riêng lẻ</i>
	- Số lượng phát hành	320.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	10
	- Vốn điều lệ sau phát hành	8.200.000.000 đồng
2	Tăng vốn đợt 02 ngày 15/01/2007	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành chào bán riêng lẻ</i>
	- Số lượng phát hành	180.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	8
	- Vốn điều lệ sau phát hành	10.000.000.000 đồng
3	Tăng vốn đợt 03 ngày 27/06/2007	
	<i>a. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành chào bán cho Cổ đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	300.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	33

Stt	Phát hành tăng vốn	Nội dung chi tiết
	- Vốn điều lệ sau phát hành	13.000.000.000 đồng
	<i>b. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành chào bán riêng lẻ</i>
	- Số lượng phát hành	500.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	15.614 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	24
	- Vốn điều lệ sau phát hành	18.000.000.000 đồng
	<i>c. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành chào bán cho Cổ đông chiến lược</i>
	- Số lượng phát hành	200.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	15.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	01
	- Vốn điều lệ sau phát hành	20.000.000.000 đồng
	Tăng vốn đợt 04 (niêm yết bổ sung ngày 05/08/2009)	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 cho Cổ đông hiện hữu</i>
4	- Số lượng phát hành	139.996 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	7%
	- Số lượng cổ đông	354
	- Vốn điều lệ sau phát hành	21.399.960.000 đồng
	Tăng vốn đợt 05 (niêm yết bổ sung ngày 19/10/2010)	
	<i>a. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu chào bán cho Cổ đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	1.054.215 cổ phiếu
	- Giá phát hành	12.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	699
	<i>b. Hình thức phát hành</i>	<i>Phân phối số cổ phiếu không bán hết của cổ đông hiện hữu cho Tổ chức Công đoàn</i>
5	- Số lượng phát hành	15.783 cổ phiếu
	- Giá phát hành	15.100 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	1
	<i>c. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu chào bán cho Cán bộ nhân viên</i>
	- Số lượng phát hành	107.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	12.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	12
	<i>d. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 cho Cổ</i>

Stt	Phát hành tăng vốn	Nội dung chi tiết
		<i>đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	427.930 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	5:1 (20%)
	- Số lượng cổ đông	699
	<i>e. Hình thức phát hành</i>	
	- Số lượng phát hành	427.930 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	5:1 (20%)
	- Số lượng cổ đông	699
	<i>f. Hình thức phát hành</i>	<i>Phân phối số cổ phiếu lẻ trả cổ tức bằng cổ phiếu của cổ đông hiện hữu cho Tổ chức Công đoàn</i>
	- Số lượng phát hành	69 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	20%
	- Số lượng cổ đông	1
	<i>g. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu chào bán cho Nhà đầu tư chiến lược</i>
	- Số lượng phát hành	1.255.007 cổ phiếu
	- Giá phát hành	15.100 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	04
	- Vốn điều lệ sau phát hành	50.000.000.000 đồng
	Tăng vốn đợt 06 (niêm yết bổ sung ngày 21/11/2014)	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013 cho Cổ đông hiện hữu</i>
6	- Số lượng phát hành	249.846 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	20:1 (5%)
	- Số lượng cổ đông	632
	- Vốn điều lệ sau phát hành	52.498.600.000 đồng
	Tăng vốn đợt 07 (niêm yết bổ sung ngày 30/11/2015)	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu</i>
7	- Số lượng phát hành	262.215 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	20:1 (5%)
	- Số lượng cổ đông	589
	- Vốn điều lệ sau phát hành	55.120.610.000 đồng
	Tăng vốn đợt 08 (niêm yết bổ sung 14/05/2018)	
8	<i>a. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu chào bán cho Cổ đông hiện hữu</i>

Stt	Phát hành tăng vốn	Nội dung chi tiết
	➤ <i>Loại phát hành</i>	<i>Cổ đông hiện hữu mua</i>
	- Số lượng phát hành	6.769 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	9
	➤ <i>Loại phát hành</i>	<i>Xử lý cổ phiếu không phân phối hết</i>
	- Số lượng phát hành	3.930.466 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	17
	<i>b. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	275.352 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	20:1 (5%)
	- Số lượng cổ đông	636
	<i>c. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016 cho Cổ đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	275.352 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	20:1 (5%)
- Số lượng cổ đông	636	
- Vốn điều lệ sau phát hành	100.000.000.000 đồng	
9	<i>Tăng vốn đợt 09 (niêm yết bổ sung ngày 12/11/2018)</i>	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu chuyển đổi Trái phiếu</i>
	- Số lượng phát hành	1.000.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	07
	- Vốn điều lệ sau phát hành	110.000.000.000 đồng
10	<i>Tăng vốn đợt 10 (niêm yết bổ sung ngày 08/08/2019)</i>	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho Cổ đông hiện hữu</i>
	- Số lượng phát hành	1.099.764 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	10:1 (10%)
	- Số lượng cổ đông	530
- Vốn điều lệ sau phát hành	120.997.640.000 đồng	
11	<i>Tăng vốn đợt 11 (niêm yết bổ sung ngày 08/11/2019)</i>	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ</i>
	- Số lượng phát hành	16.900.236 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu

Stt	Phát hành tăng vốn	Nội dung chi tiết
	- Số lượng cổ đông	31
	- Vốn điều lệ sau phát hành	290.000.000.000 đồng
	Tăng vốn đợt 12 (niêm yết bổ sung ngày 16/03/2020)	
	<i>Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu chuyển đổi Trái phiếu</i>
12	- Số lượng phát hành	1.000.000 cổ phiếu
	- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	07
	- Vốn điều lệ sau phát hành	300.000.000.000 đồng
	Tăng vốn đợt 13 (niêm yết bổ sung ngày 09/11/2020)	
	<i>a. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức</i>
	- Số lượng phát hành	1.499.758 cổ phiếu
	- Tỷ lệ phân bổ quyền	20:1 (5%)
	- Số lượng cổ đông	606
13	<i>b. Hình thức phát hành</i>	<i>Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty (ESOP)</i>
	- Số lượng phát hành	500.000 cổ phiếu
	- Số lượng cổ đông	49
	- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Từ 09/09/2020 đến 08/09/2022
	- Vốn điều lệ sau phát hành	319.997.580.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020: 319.997.580.000 đồng.

5.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2020: 0 cổ phiếu.
- Trong kỳ, Công ty không có các hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.4. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Sản xuất nguyên vật liệu là đá, sét
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : Công ty không sản xuất nguyên vật liệu được tái chế.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp :
 - Ngoài điện dùng trong thi công và sản xuất thì Công ty có sử dụng xăng, dầu phục vụ các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công tại các công trường và vận hành máy phát điện khi cần thiết.
 - Năng lượng điện Công ty tiêu thụ năm 2020 là 2.884.855.539 đồng. Trong đó: tại Trụ sở làm việc là 288.035.435 đồng, tại các công trường là 1.181.228.113 đồng, tại các mặt bằng cho thuê là 277.185.178 đồng, tại Nhà máy cửa nhựa cao cấp Vinawindow là 11.250.301 đồng, tại Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC là 1.127.156.512 đồng.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Không.

6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:
 - Tại các công trường và nhà máy công ty sử dụng nước do các công ty cấp nước cung cấp. Trong năm 2020, tiền nước sử dụng phải nộp tại Trụ sở Công ty 23.238.125 đồng, tại các công trường là 536.610.334 đồng, tại các mặt bằng cho thuê là 49.286.875 đồng.
 - Tại nhà máy cửa nhựa Vinawindow sử dụng nước sản xuất và khối lượng nước thải với số tiền tương ứng phải đóng là 2.500.000 đồng.
 - Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC sử dụng nước với giá trị phải nộp trong năm là 23.840.000 đồng.
- b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
 - Đối với Công ty mẹ (DICcons):
 - Tổng số lao động bình quân trong năm là 131 người, mức lương trung bình của mỗi người lao động là 13,7 triệu đồng/tháng. Trong đó :
 - Lao động dài hạn là 115 người, mức lương trung bình mỗi người là 14.8 triệu đồng/tháng.
 - Lao động ngắn hạn thời vụ là 16 người, mức lương trung bình mỗi người là 6.51 triệu đồng/tháng.

- Đối với Công ty con:

+ Công ty TNHH MTV Vinawindow:

- Tổng số lao động bình quân trong năm là 44 người, mức lương trung bình của mỗi người lao động là 10,7 triệu đồng/tháng. Trong đó :
 - Lao động dài hạn là 34 người, mức lương trung bình mỗi người là 12,1 triệu đồng/tháng.
 - Lao động ngắn hạn thời vụ là 10 người, mức lương trung bình mỗi người là 5,8 triệu đồng/tháng.

+ Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC:

- Tổng số lao động bình quân trong năm là 36 người, mức lương trung bình của mỗi người lao động là 9 triệu đồng/tháng. Trong đó :
 - Lao động dài hạn là 34 người, mức lương trung bình mỗi người là 9,2 triệu đồng/tháng.
 - Lao động ngắn hạn thời vụ là 2 người, mức lương trung bình mỗi người là 5 triệu đồng/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Người lao động ký hợp đồng với công ty được hưởng đầy đủ các chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động (tại các công trường).
- Để đảm bảo sức khỏe cho người lao động, Công ty có áp dụng thời gian nghỉ ngơi giữa các giờ làm việc theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Người lao động làm việc tại các công trường hay làm các công việc mang tính chất nguy hiểm đều được trang bị các phương tiện bảo hộ lao động đầy đủ.
- Một số chế độ phúc lợi công ty đang áp dụng cho người lao động:
 - + Được khám sức khỏe định kỳ và đi tham quan du lịch hàng năm.
 - + Được tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho người lao động và gia đình khi có hiếu, hỷ hoặc ốm đau thai sản ...
 - + Được nhận đầy đủ các khoản tiền lương, tiền thưởng, được nghỉ các ngày lễ tết, làm việc ngoài giờ được tính lương tăng ca theo quy định của nhà nước.
 - + Được thưởng khi có thành tích xuất sắc trong lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Tất cả người lao động khi được tuyển dụng vào công ty đều phải học các khóa về an toàn lao động trong 16 giờ.
- Đối với những người làm việc tại các công trường bắt buộc phải có chứng chỉ an toàn lao động có giá trị sử dụng trong thời hạn 2 năm. Vì vậy hàng năm công ty đều tổ chức các khóa đào tạo và cấp chứng chỉ cho người lao động.

- Công ty có tổ chức các khóa học mời các giảng viên có uy tín về giảng dạy nhằm giúp người lao động nâng cao ý thức trong công việc và phát huy văn hóa doanh nghiệp.
- Đối với từng bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, tùy theo yêu cầu được đào tạo của cán bộ công nhân viên và người phụ trách bộ phận, công ty luôn tạo điều kiện và hỗ trợ tài chính để người lao động được tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Người lao động luôn được tham gia các lớp tập huấn tìm hiểu, cập nhật về các qui định của pháp luật liên quan đến công việc do các cơ quan Nhà nước tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty luôn quan tâm cho cộng đồng và an sinh xã hội của địa phương, trong đó năm 2020 đóng góp với số tiền trên 200 triệu cho các hoạt động sau:
 - + Hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn Tết xuân Canh Tý.
 - + Ủng hộ chương trình phòng chống dịch bệnh Covid-19.
 - + Tài trợ quà tết yêu thương Tết Tân Sửu 2021.
 - + Quyên góp kinh phí mở ATM gạo cho người khó khăn.
 - + Ủng hộ tiền cho trẻ em mồ côi thiệt thòi.
 - + Tài trợ cho các hoạt động phong trào ở các phường trong thành phố.
- Ủng hộ, tài trợ cho các địa phương khác các hoạt động sau:
 - + Ủng hộ tiền và hàng hóa cho đồng bào các tỉnh miền Trung bị thiệt hại do mưa bão gây ra.
 - + Đồng hành cùng tập đoàn DIC tài trợ hàng trăm chiếc xe đạp cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn ở tỉnh Quảng Bình.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty không có hoạt động nào liên quan đến thị trường vốn xanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- ❖ **Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty:** Trong năm 2020 Công ty giữ được sự ổn định và tăng trưởng mạnh so với năm trước, luôn chủ động trong giải quyết các công việc, có định hướng phát triển doanh nghiệp rõ ràng. Doanh thu thuần 466,1 tỷ đồng tăng 15% so với thực hiện năm 2019 (404,1 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế đạt 32,22 tỷ đồng tăng 25,68% so với thực hiện năm 2019 (25,63 tỷ đồng) tạo cơ sở để phát triển mạnh mẽ ở các năm tiếp theo. Công ty ổn định được nguồn tài chính cho hoạt động SXKD, hoàn thành tăng vốn điều lệ gần đạt mức 320 tỷ đồng.

- *Nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc:*
- ❖ Nguyên nhân doanh thu thực hiện chưa đạt kế hoạch năm 2020 (doanh thu đạt 71,17% kế hoạch) chủ yếu là:
 - + Do một số công trình lớn nằm trong kế hoạch thi công có những khó khăn từ phía chủ đầu tư nên chậm triển khai hoặc dẫn tiến độ do vướng mắc các thủ tục pháp lý, tình hình dịch bệnh.
 - + Một số dự án Công ty làm Chủ đầu tư còn vướng mắc về thủ tục pháp lý dự án nên chưa được ghi nhận doanh thu hoặc chưa được triển khai thi công.
 - + Một số công trình có giá trị hợp đồng nhỏ thời gian thi công kéo dài nên thực hiện chưa hiện quả.
- *Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2020, Ban lãnh đạo Công ty cũng rút ra được một số bài học kinh nghiệm như sau:*
 - + Cần có sự nghiên cứu về tình hình kinh tế vĩ mô, phân tích được những diễn biến trong trung và dài hạn các lĩnh vực Công ty đang hoạt động để từ đó có những chiến lược kinh doanh phù hợp.
 - + Cần dự phòng các trường hợp biến động ngắn hạn như dịch bệnh, sự cố tạm ngừng công trình hay chậm triển khai... để có những biện pháp ứng phó kịp thời.
 - + Chủ động nguồn vốn sản xuất kinh doanh trong mọi trường hợp. Lựa chọn đầu tư dự án hiệu quả và phù hợp.
 - + Phải đánh giá đúng mức độ và điều kiện khó khăn của từng công trình để bố trí nhân sự phù hợp. Mỗi công trình cần thực hiện tốt tất cả các khâu từ “**Đấu thầu – Tổ chức thi công – Thanh quyết toán**” trong đó đấu thầu phải chuẩn xác, thi công phải nhanh, thanh quyết toán phải kịp thời.
 - + Chỉ nhận thầu những công trình nằm trong khả năng Công ty thực hiện tốt, đối với công trình có giá nhận thầu quá thấp hoặc điều kiện thi công quá khó khăn thì không tham gia để tránh rủi ro về tài chính.
 - + Phải có chiến lược quản trị nhân sự tốt và đưa lên mục tiêu hàng đầu đó là đào tạo, giữ người và thu hút nhân lực có chất lượng (không lấy số lượng bù chất lượng). Tạo điều kiện bằng các cơ chế phân cấp phân quyền quản lý để cá nhân, tập thể có thể phát huy tối đa nội lực sáng tạo và trách nhiệm của mình.
- ❖ **Những tiến bộ Công ty đã đạt được :**
 - + Những năm gần đây Công ty tập trung phát triển hoạt động thi công xây lắp chủ yếu tại địa bàn Đông Nam Bộ trong đó đặc biệt là tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và TP.HCM. Việc tập trung thi công các công trình ở địa bàn quen thuộc đã giúp công tác quản lý thi công của Công ty có hiệu quả hơn, thêm vào đó việc thi công nhiều công trình lớn đã nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín của Công ty trên thị trường.

- + Công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn cũng có nhiều chuyển biến tích cực đã góp phần giúp Công ty chủ động nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.
- + Công ty vẫn trong quá trình kiện toàn bộ máy nhân sự, đặc biệt là bổ sung những lao động kỹ thuật cao tại các công trường nhằm tăng hiệu quả công việc.
- + Áp dụng các phương pháp và thiết bị hiện đại vào thi công đã góp phần nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ công trình.
- + Tiếp tục duy trì thực hiện Báo cáo công việc hàng ngày của toàn bộ nhân viên trong công ty theo mô hình báo cáo PDCA (Plan – Do – Check – Act), riêng các nhân sự trong bộ phận quản lý được áp dụng mô hình báo cáo riêng để Banlãnh đạo nắm bắt được kịp thời tất cả các công việc nhằm giải quyết các khó khăn và các hình thức khen thưởng kịp thời giúp công việc hiệu quả hơn.

2. Tình hình tài chính báo cáo hợp nhất

a) Tình hình tài sản

- Tổng tài sản năm 2020 giảm so với năm 2019 là 36.873.346.465 đồng tương ứng với tỷ lệ 5,59 % do các nguyên nhân như sau:

+ Tiền và các khoản tương đương tiền tăng	: 14.569.148.790 đồng
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn giảm	: 10.000.000.000 đồng
+ Các khoản phải thu ngắn hạn tăng	: 47.942.121.536 đồng
+ Hàng tồn kho giảm	: 74.592.272.799 đồng
+ TS ngắn hạn khác giảm	: 322.950.565 đồng
+ Các khoản phải thu dài hạn tăng	: 70.095.123 đồng
+ TSCĐ giảm	: 4.733.142.151 đồng
+ Tài sản dở dang dài hạn giảm	: 1.426.100.734 đồng
+ Tài sản dài hạn khác giảm	: 8.380.245.665 đồng

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại	: 252.843.051.747 đồng
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	: 40.405.189.997 đồng
+ Phải trả người bán ngắn hạn	: 70.802.167.595 đồng
+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	: 24.809.000.097 đồng
+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	: 14.821.081.480 đồng
+ Phải trả người lao động	: 2.286.853.922 đồng
+ Chi phí phải trả ngắn hạn	: 4.184.384.044 đồng
+ Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	: 83.547.176.067 đồng
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	: 1.816.945.263 đồng
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	: 2.248.504.281 đồng
+ Chi phí phải trả dài hạn	: 3.768.283.054 đồng
+ Phải trả dài hạn khác	: 796.600.000 đồng
+ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	: 1.347.702.607 đồng

- + Dự phòng phải trả dài hạn : 2.009.163.340 đồng
- **Biến động lớn về các khoản nợ:**
 - + Phải trả người bán năm 2020 giảm so với năm 2019 là 16.382.498.584 đồng.
 - + Người mua trả tiền trước ngắn hạn năm 2020 giảm so với năm 2019 là 21.220.726.052 đồng.
 - + Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước năm 2020 tăng so với năm 2019 là 4.376.663.880 đồng.
 - + Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn năm 2020 tăng so với năm 2019 là 3.195.625.799 đồng.
 - + Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn năm 2020 giảm so với năm 2019 là 30.565.018.166 đồng.
- *Nguyên nhân các khoản biến động lớn về nợ:*
 - Các công trình chung cư Đông Thuận 1 và 2, ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ... do đến giai đoạn cuối hoàn thiện để đưa vào bàn giao sử dụng và quyết toán nên công nợ thu hồi chậm.
 - Người mua trả tiền trước năm nay giảm so với năm 2019 do Công ghi nhận khối lượng thi công công trình Resort Lăng Cô ở Huế và công trình trường tiểu học phường 10 Tp.Vũng Tàu bù trừ vào số tiền tạm ứng.
 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng do lợi nhuận trước thuế năm 2020 tăng so với năm 2019 và các khoản thuế của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC (Công ty con hợp nhất vào công ty mẹ).
 - Vay ngân hàng năm 2020 giảm so với năm 2019 do trong năm 2020 Công ty sử dụng vốn công ty phát hành và khoản ứng thi công các công trình mới được ký kết trong năm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp đà ngày càng phát triển, Công ty đang nỗ lực hoàn thiện cơ cấu tổ chức và bộ máy nhân sự.
- Duy trì họp giao ban định kỳ tại Công ty và các công trường; công tác quản lý được đổi mới góp phần nâng cao hiệu quả công việc.
- Áp dụng báo cáo nhanh trực tuyến thông qua các phần mềm hỗ trợ, giúp lãnh đạo nắm bắt nhanh được công việc để xử lý kịp thời.
- Các chính sách về lương, thưởng luôn được cập nhật để tuân theo quy định hiện hành.
- Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình hoạt động công ty mẹ - công ty con, từng bước tổ chức lại các đơn vị trực thuộc thành các công ty con và kiện toàn bộ máy quản trị.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục duy trì phát triển ổn định các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty duy trì mức tăng trưởng bình quân trong 5 năm tới hàng năm tối thiểu từ 15% trở lên.
- Tái cấu trúc và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác khoáng sản tại Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC theo định hướng của công ty và giao cho đơn vị thực hiện 02 dự án khu dân cư tại TP. Bà Rịa để đưa đơn vị hoạt động hiệu quả. Định hướng phát triển thêm lĩnh vực kinh doanh mới nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận cho DIC Vật liệu. Mục tiêu đưa DIC Vật liệu trở thành một công ty đủ mạnh để hoạt động độc lập, chủ động được mọi nguồn vốn sản xuất kinh doanh.
- Công ty sẽ tiếp tục tăng vốn điều lệ để nâng cao năng lực về tài chính và đáp ứng yêu cầu phát triển doanh nghiệp.
- Công ty vẫn tập trung phát triển đồng thời 4 lĩnh vực chính là Xây lắp – Đầu tư – Sản xuất – Khai khoáng. Trong đó hoạt động xây lắp là hoạt động cốt lõi của toàn công ty.
- Công ty đang tìm kiếm cơ hội để sát nhập với một số công ty có tiềm năng ở địa phương để mở rộng thị trường, tăng các giá trị sản xuất kinh doanh, nâng cao giá trị hình ảnh và thương hiệu của Công ty.
- Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự để phù hợp hơn với định hướng phát triển dài hạn và giảm thiểu rủi ro trong quản lý.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và khai thác đá xây dựng với đặc thù bị ảnh hưởng nhiều bởi bụi và tiếng ồn, tùy theo tình hình thi công Công ty luôn có các giải pháp giảm thiểu các ô nhiễm tác động đến người lao động và môi trường xung quanh công trường. Tại nhà máy cửa nhựa Vinawindow quá trình sản xuất và xử lý nước thải luôn tuân thủ quy định về môi trường của Khu công nghiệp.
- Công ty thường xuyên hợp tác với các đơn vị thẩm định để kiểm tra, đo đạc môi trường làm việc tại các công trường để đảm bảo người lao động luôn được làm việc trong môi trường an toàn và phù hợp sức khỏe.
- Đội ngũ lãnh đạo và cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra nhắc nhở người lao động tại các công trường ý thức được xây dựng được một môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp là bảo vệ sức khỏe của bản thân và hình ảnh của Công ty.
- Để tránh tình trạng lãng phí vật tư, các nguồn tài nguyên điện, nước Công ty đã xây dựng nên các nguyên tắc ứng xử để khuyến khích người lao động sử dụng một cách tiết kiệm vật tư và các nguồn tài nguyên nhằm bảo vệ môi trường.

- Luôn chủ động trong việc xử lý các nguồn rác thải, đặc biệt là các nguồn rác thải gây nguy hiểm với môi trường đều được Công ty xử lý một cách triệt để góp phần làm giảm thiểu đến mức thấp nhất ảnh hưởng đến môi trường làm việc và môi trường xung quanh.
- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:
 - Công tác huấn luyện luôn được Công ty coi trọng, với quan điểm mỗi người lao động là một an toàn vệ sinh viên tại công trường. Công ty thường xuyên có các buổi tuyên truyền, giáo dục đối với người lao động với mục tiêu nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật trong công việc, đảm bảo an toàn và vệ sinh trong lao động nhằm ngăn ngừa tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho người lao động.
- c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:
 - Công ty luôn ý thức được trách nhiệm của mình với cộng đồng. Luôn chủ động tham các chương trình xã hội, từ thiện như xây nhà tình thương, tặng quà hộ nghèo.... góp phần vào an sinh xã hội tại địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2020 trong điều kiện kinh tế với nhiều biến động nhưng các hoạt động của công ty vẫn ổn định và đi vào chiều sâu, phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Hiệu quả trong công tác điều hành công ty con là DIC Vật liệu sau sát nhập. Nhanh chóng ổn định được tình hình nhân sự, tiếp tục tái cơ cấu DIC Vật liệu để định hướng phát triển thêm lĩnh vực kinh doanh. Từ đó cải thiện kết quả kinh doanh của công ty con và đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh toàn công ty sau hợp nhất.
- Đánh giá về các hoạt động cụ thể:
 - + Công tác an toàn lao động: là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây lắp thường phải đối mặt với nhiều rủi ro tai nạn lao động nên công tác an toàn luôn được HĐQT quan tâm. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa học và tập huấn an toàn lao động cho người lao động, từ đó đã có nhiều cải thiện trong quy trình an toàn lao động để áp dụng vào các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại các công trường, công tác ATLĐ-VSMT-PCCN được chú trọng và tăng cường, hoạt động giám sát công tác an toàn lao động luôn được thực hiện chặt chẽ nên luôn hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng mất ATLĐ.
 - + Công tác xây lắp: hoạt động kinh doanh chính của Công ty được đánh giá một năm tương đối thuận lợi. Với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh tăng trưởng vượt bậc so với năm trước đó, đạt được điều này là thành tích đáng ghi nhận của toàn thể người lao động và Ban lãnh đạo Công ty trong năm qua.

- + Công tác sản xuất và khai thác: việc sản xuất và khai thác ở các đơn vị thành viên đều đạt hiệu quả cao giúp tình hình sản xuất kinh doanh chung của Công ty khả quan hơn.
- + Công tác đầu tư: Tập trung vào đầu tư các chung cư cao cấp và các khu nhà ở xen kẽ tại Bà Rịa Vũng Tàu.
- + Công tác tài chính: thực hiện tương đối tốt, phát huy hiệu quả vai trò công tác tài chính đã tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh được kịp thời và thông suốt trong toàn Công ty.
- + Các công tác khác: nhìn chung các mặt hoạt động khác đều có một năm hoạt động thuận lợi, góp phần vào thành công chung trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Đối với trách nhiệm môi trường và xã hội luôn được Công ty thực hiện tốt.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo đầy đủ các công tác từ kế hoạch đầu tư, điều hành sản xuất kinh doanh, bố trí phân bổ các nguồn vốn, ký kết hợp đồng và tổ chức nhân sự cho HĐQT, do đó giúp HĐQT nắm bắt được tất cả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc đã quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Công việc của người lao động được đảm bảo, thu nhập bình quân tăng so với năm trước thể hiện sự quan tâm đến người lao động đáng ghi nhận của Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Công tác tổ chức thi công và thanh quyết toán công trình được đặc biệt quan tâm và giám sát chỉ đạo xử lý các công việc kịp thời.
- HĐQT đánh giá năm 2020 Ban Tổng giám đốc đã có nhiều cố gắng trong chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh đưa doanh nghiệp vượt qua nhiều khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể:
 - + Về chỉ tiêu sản xuất kinh doanh: Lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 26% so với năm 2019, đảm bảo việc làm cũng như các chế độ phúc lợi lương thưởng cho người lao động.
 - + Về tài chính: Đã bố trí đầy đủ nguồn vốn phục vụ công tác sản xuất kinh doanh đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty.
 - + Công tác quản lý điều hành : Chủ động, kịp thời phát huy hiệu quả công việc.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Các định hướng hoạt động kinh doanh trong những năm tiếp theo chủ yếu như sau:

- + Nhận thầu và thi công các công trình chủ đầu tư có năng lực tài chính vững mạnh, không vì áp lực giải quyết công việc làm mà lựa chọn các công trình chủ đầu tư thiếu khả năng thanh toán dẫn đến tình hình tài chính của công ty gặp nhiều khó khăn.
- + Tiếp tục nâng cao năng lực tài chính và kỹ thuật thi công để phát triển thành một trong những công ty xây dựng uy tín hàng đầu của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và khu vực.
- + Tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là thi công xây dựng dân dụng, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của công ty.
- + Phát triển sang lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản để tăng doanh thu và lợi nhuận cũng như tạo việc làm cho hoạt động xây lắp.
- Kế hoạch, định hướng chi trả cổ tức cho cổ đông:
 - + Duy trì mức trả cổ tức cho cổ đông tối thiểu từ 05→10%/năm.
 - + Phân đầu từ năm 2022 mức trả cổ tức từ 10→15%/năm.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Năm 2020 Công ty có 05 thành viên HĐQT, trong đó có 02 thành viên trực tiếp điều hành và 02 thành viên không điều hành, 01 thành viên độc lập HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú	Chức danh TV. HĐQT tại các công ty khác
1	Lê Đình Thắng	Chủ tịch HĐQT	* Số cổ phần nắm giữ: 12.338.622 cổ phần, trong đó: + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 3.375.865 cổ phần. + Số cổ phần đại diện DIC Corp: 8.962.757 cổ phần. * Tỷ lệ sở hữu: 38,56 %	Điều hành	- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vinawindow. - Chủ tịch Công ty TNHH Hoàng Nguyên Long. - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vương Điền.
2	Nguyễn Văn Đa	Thành viên HĐQT	* Số cổ phần nắm giữ: 413.452 cổ phần * Tỷ lệ sở hữu: 1,29 %	Điều hành	

3	Trần Gia Phúc	Thành viên HĐQT	* Số cổ phần sở hữu: 140.122 cổ phần * Tỷ lệ sở hữu : 0,44 %	Không Điều hành	Giám đốc Công ty CP DIC Vật Liệu năm 2020
4	Võ Việt Trung	Thành viên HĐQT	* Số cổ phần sở hữu: 5.000 cổ phần * Tỷ lệ sở hữu: 0,02 %	Độc lập	- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Việt Ngân. - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Eloan. - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Fvndit.
5	Hoàng Thị Hà	Thành viên HĐQT	* Số cổ phần nắm giữ: 3.846.181 cổ phần, trong đó: + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần + Số cổ phần đại diện DIC Corp: 3.841.181 cổ phần * Tỷ lệ sở hữu : 12,02%	Không điều hành	- TV HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng số 1. - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Phương Nam

(Số cổ phần được chốt là ngày 31/12/2020)

a) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ gồm 03 nhân sự, trong đó thành viên HĐQT độc lập làm trưởng ban.
- Phân công cho 01 thành viên HĐQT không điều hành phụ trách lương thưởng của công ty.

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm HĐQT đã tổ chức 16 cuộc họp & ban hành 16 nghị quyết với các nội dung như sau:

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	23/NQ-HĐQT. DIC4	31/03/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 theo báo cáo tài chính; - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 để trình Đại hội cổ đông 2020. - Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và nội dung chương trình Đại hội; - Thông qua dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 trình Đại hội cổ đông; - Thông qua việc thay đổi mô hình hoạt động và thay đổi tên Công ty để trình xin ý kiến Đại hội cổ đông năm 2020; - Thông qua báo cáo kế hoạch đầu tư năm 2020 (Công ty mẹ + Công ty con); - Thông qua Báo cáo kết quả chi trả thù lao năm 2019 và xin ý kiến về Kế hoạch thù lao năm 2020; - Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2020; - Thông qua Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty trình Đại hội cổ đông năm 2020; - Thông qua việc giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần DIC số 4 – Nhà máy cửa nhựa cao cấp Vinawindow và thành lập Công ty TNHH MTV Vinawindow.
02	23A/NQ-HĐQT.DIC4	05/05/2020	- Thông qua việc bàn giao tài sản cho Công ty TNHH MTV Vinawindow.
03	24/NQ-HĐQT	28/05/2020	Thông qua việc đồng ý phát hành bảo lãnh, cấp hạn mức công trình, thế chấp/cầm cố tài sản và cử người đại diện ký kết hồ sơ với Ngân hàng TMCP Quân Đội – chi nhánh Bà Rịa (MB Bank).
04	25/NQ-HĐQT	28/05/2020	Thông qua việc đề nghị DIC Corp thế chấp tài sản (Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK066984) để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty tại BIDV – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu
05	26/NQ-HĐQT. DIC Cons	24/06/2020	Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu ESOP và thông qua nội dung quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.

06	27/NQ-HĐQT. DIC Cons	24/06/2020	Thông qua chi trả cổ tức năm 2019.
07	28/NQ-HĐQT. DIC Cons	26/06/2020	Thông qua Danh sách thành viên tham gia chương trình ESOP năm 2020 và Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu ESOP.
08	29/NQ-HĐQT. DIC Cons	10/07/2020	Những người nhận cổ phiếu ESOP không được nhận cổ tức năm 2019.
09	30/NQ-HĐQT. DIC Cons	29/07/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách vật tư Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings; - Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings; - Thông qua về mức lương, phụ cấp, thù lao của Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự, Giám đốc Xí nghiệp Vật tư và Thương mại DIC, Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vinawindow và Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Vinawindow giao cho Chủ tịch HĐQT quyết định căn cứ theo các quy chế và quy định về tiền lương của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings;
10	31/NQ-HĐQT. DIC Cons	24/08/2020	Thông qua việc điều chỉnh loại chứng khoán từ loại “Hạn chế chuyển nhượng” sang loại “Tự do chuyển nhượng” cho số cổ phần cam kết hạn chế chuyển nhượng (từ ngày 29/08/2019 đến 28/08/2020) của các cổ đông tham gia mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ trong đợt phát hành tăng vốn của Công ty được hoàn thành vào năm 2019.
11	32/NQ-HĐQT. DIC Cons	08/09/2020	- Thông qua kết quả phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2020 và thông qua thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
12	33/NQ-HĐQT. DIC Cons	09/09/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc thế chấp tài sản tại Ngân hàng BIDV để vay vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh; - Thống nhất ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT giao dịch và ký kết Hợp đồng tín dụng với ngân hàng.
13	34/NQ- HĐQT.DIC Cons	24/09/2020	Thông qua hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
14	35/NQ- HĐQT.DIC Cons	09/10/2020	Thông qua giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
15	36/NQ-HĐQT. DIC Cons	30/10/2020	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự của Công ty TNHH MTV Vinawindow.

16	37/NQ-HĐQT. DIC Cons	20/11/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc thế chấp tài sản tại Ngân hàng BIDV để vay vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh; - Thống nhất ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT giao dịch và ký kết Hợp đồng tín dụng với ngân hàng.
----	-------------------------	------------	--

- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành
- Ông Võ Việt Trung là thành viên HĐQT độc lập không điều hành kiêm vị trí Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Công ty có trình độ học vấn cao, đồng thời đang công tác tại nhiều công ty, có kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp nên có nhiều đóng góp cho hoạt động quản trị Công ty.
- d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị
- Trong năm 2020, Ban kiểm toán nội bộ với 03 thành viên đã tổ chức 04 cuộc họp mỗi quý. Ban kiểm toán nội bộ luôn kiểm tra giám sát một cách cẩn trọng các hoạt động tài chính của Công ty, đánh giá mức độ rủi ro dựa trên các cơ chế quản lý ở mỗi lĩnh vực để góp ý cho hoạt động tài chính của Công ty luôn lành mạnh và an toàn.
 - Thành viên HĐQT không điều hành phụ trách lương thưởng của công ty luôn xem xét kỹ công tác lương thưởng cho người lao động.
 - Các tiểu ban được đánh giá là hoạt động hiệu quả, các thành viên trong các tiểu ban luôn chủ động và tích cực trong nhiệm vụ của mình theo sự phân công của HĐQT.
- e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:
1. Ông Lê Đình Thắng – Chủ tịch HĐQT.
 2. Ông Nguyễn Văn Đa – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
 3. Ông Trần Gia Phúc – Thành viên HĐQT.
 4. Bà Hoàng Thị Hà – Thành viên HĐQT.

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của các thành viên HĐQT đương nhiệm, Ban Tổng giám đốc (từ 01/01/2020 ÷ 31/12/2020):

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (vnd)	Lương + thưởng (vnd)	Cộng (vnd)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị					
1	Ông Lê Đình Thắng	Chủ tịch HĐQT	845.000.000	347.030.358	1.192.030.358	Chuyên trách

2	Ông Nguyễn Văn Đa	Ủy viên HĐQT kiêm TGĐ	70.000.000	770.879.545	840.879.545	Kiểm nhiệm
3	Ông Trần Gia Phúc	Ủy viên HĐQT	70.000.000	5.833.334	75.833.334	Không điều hành
4	Bà Hoàng Thị Hà	Ủy viên HĐQT	70.000.000	0	70.000.000	Không điều hành
5	Ông Võ Việt Trung	Ủy viên HĐQT	80.000.000	0	80.000.000	UV HĐQT độc lập
II	Ban Tổng giám đốc					
1	Ông Nguyễn Văn Đa	Tổng Giám đốc	(xem ở phần Hội đồng quản trị)			
2	Ông Nguyễn Văn Tân	P.Tổng giám đốc		489.676.081	489.676.081	Kết thúc nhiệm kỳ từ ngày 01/08/2020
3	Bà Nguyễn Tuyết Hoa	P.Tổng giám đốc	35.000.000	521.850.606	556.850.606	Thù lao do làm thành viên Ban kiểm toán nội bộ
4	Ông Võ Trung Kiên	P.Tổng giám đốc		486.551.360	486.551.360	

- Các lợi ích khác: Thành viên HĐQT chuyên trách và Ban Tổng giám đốc được hưởng chế độ chăm sóc sức khỏe định kỳ, du lịch hàng năm của Công ty.
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan năm 2020 (tại thời điểm chốt danh sách ngày 31/12/2020):

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm cổ phiếu
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Đình Thắng	Chủ tịch HĐQT	3.013.681	10,39%	3.375.865	10,55%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu; Nhận cổ phiếu ESOP.
2	Nguyễn Văn Đa	TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc	321.145	1,11%	413.452	1,29%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu; Nhận cổ phiếu ESOP.
3	Trần Gia Phúc	TV HĐQT	93.688	0,32%	140.122	0,44%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu; Nhận cổ phiếu ESOP.

4	Hoàng Thị Hà	TV HĐQT	0	0%	5.000	0,02%	Nhận cổ phiếu ESOP
5	Võ Việt Trung	TV HĐQT	0	0%	5.000	0,02%	Nhận cổ phiếu ESOP
6	Nguyễn Văn Tân	Phó Tổng giám đốc	25.094	0,09%	58.348	0,18%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu; Nhận cổ phiếu ESOP.
7	Nguyễn Tuyết Hoa	Phó Tổng giám đốc; Người được ủy quyền CBTT	20.561	0,07%	53.589	0,17%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu; Nhận cổ phiếu ESOP.
8	Võ Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	30.000	0,1%	21.500	0,07%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu; Nhận cổ phiếu ESOP; Bán cổ phiếu.
9	Nguyễn Thị Thanh Phương	Kế Toán trưởng	38.240	0,13%	68.152	0,21%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu; Nhận cổ phiếu ESOP.
10	Bùi Đình Phong	Người phụ trách quản trị công ty	65.047	0,22%	90.774	0,28%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu; Nhận cổ phiếu ESOP.

Ghi chú:

- Tỷ lệ số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ được tính bằng số cổ phiếu đang sở hữu trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 01/01/2020 (29.000.000 cổ phiếu).
- Tỷ lệ số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ được tính bằng số cổ phiếu đang sở hữu trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2020 (31.999.758 cổ phiếu).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty hiện áp dụng Quy chế quản trị Công ty theo các quy định mới nhất của pháp luật hiện hành.
- Quá trình hoạt động trong năm của Công ty luôn đảm bảo thực hiện theo đúng quy chế quản trị đã được Đại hội cổ đông thông qua.
- Người quản trị công ty luôn kiểm soát và yêu cầu thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty của Ban lãnh đạo.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Dic Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Dic Holdings, được lập Ngày 02 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Dic Holdings tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2837-2019-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Xuân Giang

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2784-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2021

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		511.578.348.599	533.982.301.637
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.607.004.509	31.037.855.719
1. Tiền	111		30.607.004.509	23.037.855.719
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	488.109	10.000.488.109
1. Chứng khoán kinh doanh	121		488.109	488.109
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		231.886.787.545	183.944.666.009
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	204.960.802.452	182.491.702.489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	25.296.619.598	3.846.822.127
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	19.376.750.378	17.066.495.906
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(17.747.384.883)	(19.460.354.513)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	233.813.349.552	308.405.622.351
1. Hàng tồn kho	141		233.972.324.769	308.599.703.973
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(158.975.217)	(194.081.622)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		270.718.884	593.669.449
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	249.226.334	62.518.765
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.492.550	122.414.121
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	-	408.736.563
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.754.892.638	125.224.286.065
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.460.799.149	2.390.704.026
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	2.460.799.149	2.390.704.026
II. Tài sản cố định	220		36.675.985.059	41.409.127.210
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	35.619.195.934	39.196.412.299
- Nguyên giá	222		101.429.729.814	99.182.362.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.810.533.880)	(59.985.950.437)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.056.789.125	2.212.714.911
- Nguyên giá	228		3.335.536.602	3.335.536.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.278.747.477)	(1.122.821.691)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		587.057.302	2.013.158.036
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	587.057.302	2.013.158.036
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.000.000.000	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		70.031.051.128	78.411.296.793
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.688.786.125	10.933.960.598
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	695.647.681	588.981.114
3. Lợi thế thương mại	269		60.646.617.322	66.888.355.081
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		622.333.241.237	659.206.587.702

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		252.843.051.747	321.463.380.026
I. Nợ ngắn hạn	310		244.921.302.746	305.427.665.212
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	70.802.167.595	87.184.666.179
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14a	24.809.000.097	42.029.726.149
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	14.821.081.480	10.444.417.600
4. Phải trả người lao động	314		2.286.853.922	925.807.789
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16a	4.184.384.044	8.563.999.530
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	83.547.176.067	80.351.550.268
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	1.816.945.263	3.697.378.629
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	40.405.189.997	70.970.208.163
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.248.504.281	1.259.910.905
II. Nợ dài hạn	330		7.921.749.001	16.035.714.814
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16b	3.768.283.054	3.828.851.078
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	796.600.000	796.600.000
3. Trái phiếu chuyển đổi	338	V.20	-	9.998.000.000
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.347.702.607	-
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	2.009.163.340	1.412.263.736
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		369.490.189.490	337.743.207.676
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	369.490.189.490	337.743.207.676
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		319.997.580.000	290.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		319.997.580.000	290.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.714.413.787	6.805.913.787
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.484.244.167	12.437.220.578
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.729.830.298	27.559.657.948
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.928.120.762	1.925.700.762
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.801.709.536	25.633.957.186
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.564.121.238	940.415.363
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		622.333.241.237	659.206.587.702

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	466.063.127.561	404.950.105.259
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		466.063.127.561	404.950.105.259
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	390.201.629.258	358.939.382.310
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75.861.498.303	46.010.722.949
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	903.938.291	1.349.510.369
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.739.477.830	3.367.253.480
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.739.477.830	3.456.126.013
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	5.366.786.403	1.629.988.443
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	28.716.245.219	12.130.779.795
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.942.927.142	30.232.211.600
12. Thu nhập khác	31	VI.6	767.728.486	2.045.951.658
13. Chi phí khác	32	VI.7	944.283.113	87.753.181
14. Lợi nhuận khác	40		(176.554.627)	1.958.198.477
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.766.372.515	32.190.410.077
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	4.307.906.788	6.592.456.835
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.241.036.040	(36.003.944)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.217.429.687	25.633.957.186
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		31.576.189.478	25.633.957.186
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		641.240.209	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	993	1.357
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	993	1.278

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	37.766.372.515	32.190.410.077
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.671.090.205	5.510.617.835
- Các khoản dự phòng	03	(1.151.176.431)	5.756.771.258
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.835.582.247)	(1.120.734.832)
- Chi phí lãi vay	06	4.739.477.830	3.456.126.013
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.190.181.872	45.793.190.351
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(39.625.360.724)	(139.803.041.442)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	74.627.379.204	(104.523.102.857)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(27.484.542.777)	18.417.856.855
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.058.466.904	2.696.867.674
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.739.477.830)	(4.456.126.013)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.226.105.805)	(5.005.902.268)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.372.820.163)	(2.254.160.378)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.427.720.681	(189.134.418.078)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.666.474.351)	(4.448.384.800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	154.545.454	1.218.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(9.195.792.477)
4. Tiền thu cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	8.195.792.477
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.205.960.572	614.441.342
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.694.031.675	(3.615.761.640)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	168.884.642.630
2. Tiền thu từ đi vay	33	244.598.086.757	285.384.540.023
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(275.163.104.923)	(245.560.524.567)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.987.585.400)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(36.552.603.566)	208.708.658.086
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	14.569.148.790	15.958.478.368
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	31.037.855.719	15.079.377.351
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	45.607.004.509	31.037.855.719

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Dic Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Dic số 4) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1980/2004/QĐ/BXD ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3500686978 (Số cũ 4903000146) đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 23 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và xây lắp, Kinh doanh Bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Xây dựng công trình, Kinh doanh Bất động sản; Sản xuất cửa nhựa, cửa gỗ cao cấp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

a) Các Công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP Vật liệu Xây dựng DIC	Khai thác đá, đất sét...	88.000.000.000	96,59%
Công ty TNHH MTV Vinawindow	Sản xuất cửa nhựa, cửa gỗ cao cấp	10.000.000.000	100%

b) Các đơn vị trực thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Xây dựng Dic Holdings – Xí nghiệp Vật tư và Thương mại DIC	Tòa nhà Ruby Tower - Số 12 đường 3 tháng 2, P.8, thành phố Vũng Tàu.
Chi nhánh Công ty CP DIC số 4 – Nhà máy cửa nhựa cao cấp Vina Window	Đường số 12, khu công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 23/NQ-HĐQT ngày 31/03/2020, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc Giải thể Chi nhánh Công ty CP DIC số 4 – Nhà máy cửa nhựa cao cấp Vina Window và thành lập Công ty TNHH MTV Vinawindow.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 21/03/2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Tổng Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Tổng Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho các đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc, tại thời điểm báo cáo, nếu :

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	05 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được kế toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng.

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng nghiệm thu, xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì: Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu bán bất động sản của doanh nghiệp là chủ đầu tư phải thực hiện theo nguyên tắc

Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Tiền mặt	978.008.828	873.981.811
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.628.995.681	22.163.873.908
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	<u>45.607.004.509</u>	<u>31.037.855.719</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>31/12/2020</u>			<u>01/01/2020</u>		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng (mã CK: DIG) - 5 cổ phiếu	188.599	188.599	-	188.599	188.599	-
Công ty CP Vạn Phát Hưng (mã CK: VPH) - 7 cổ phiếu	299.510	299.510	-	299.510	299.510	-
Cộng	<u>488.109</u>	<u>488.109</u>	-	<u>488.109</u>	<u>488.109</u>	-

b) Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2020	01/01/2020
Tiền gửi có kỳ hạn	-	10.000.000.000
Cộng	-	10.000.000.000

c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	31/12/2020	01/01/2020
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	204.960.802.452	182.491.702.489
- Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	71.878.401.000	45.657.066.359
- Công ty CP Phát triển và Kinh doanh nhà	16.253.285.911	32.561.150.056
- Công ty CP Thương mại Du lịch Tân Thành	18.004.169.457	4.785.953.615
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Du Lịch Hồng Phúc	10.993.967.400	21.437.308.055
- Ban quản lý Dự án chuyên ngành dân dụng và công nghiệp	12.334.404.241	14.954.374.804
- Các khách hàng khác	75.496.574.443	63.095.849.600
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	204.960.802.452	182.491.702.489

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.3

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	25.296.619.598	3.846.822.127
- Công ty CP Thép Công nghệ cao Mỹ Áo	648.000.000	648.000.000
- Công ty TNHH Đại Tân	-	623.934.268
- Công ty CP Thương mại Du lịch Tân Thành	3.550.000.000	-
- Công ty CP Cơ khí Xây dựng TM Đại Dũng	15.075.411.192	-
- Các nhà cung cấp khác	6.023.208.406	2.574.887.859

b) Trả trước cho người bán dài hạn - -

Cộng

25.296.619.598

3.846.822.127

c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.3

5. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	7.037.880.528	45.257.214	(6.992.623.314)	7.180.096.665	185.516.797	(6.994.579.868)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	764.899.238	-	(764.899.238)	764.899.238	-	(764.899.238)
- Công ty CP ĐT XD Phú Thịnh	789.944.998	-	(789.944.998)	789.944.998	-	(789.944.998)
- Công ty Cổ phần UNA	1.258.914.113	-	(1.258.914.113)	1.258.914.113	-	(1.258.914.113)
- Các khách hàng khác	4.224.122.179	45.257.214	(4.178.864.965)	4.366.338.316	185.516.797	(4.180.821.519)
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.098.838.600	-	(1.098.838.600)	1.098.838.600	-	(1.098.838.600)
- Công ty CP Thép Công nghệ cao Mỹ Áo	648.000.000	-	(648.000.000)	648.000.000	-	(648.000.000)
- Các khách hàng khác	450.838.600	-	(450.838.600)	450.838.600	-	(450.838.600)
c) Phải thu ngắn hạn khác	9.655.922.969	-	(9.655.922.969)	11.386.936.045	20.000.000	(11.366.936.045)
c1) Tạm ứng	117.747.366	-	(117.747.366)	591.211.746	-	(591.211.746)
- Ông Nguyễn Hữu Tiếp	-	-	-	473.464.380	-	(473.464.380)
- Các khoản khác	117.747.366	-	(117.747.366)	117.747.366	-	(117.747.366)
c2) Phải thu khác	9.538.175.603	-	(9.538.175.603)	10.289.738.435	-	(10.289.738.435)
- Ông Nguyễn Hữu Tiếp	-	-	-	915.525.935	-	(915.525.935)
- Bà Dương Thị Thục	9.374.212.500	-	(9.374.212.500)	9.374.212.500	-	(9.374.212.500)
- Các khoản khác	163.963.103	-	(163.963.103)	505.985.864	20.000.000	(485.985.864)
	17.792.642.097	45.257.214	(17.747.384.883)	19.665.871.310	205.516.797	(19.460.354.513)
Cộng	9.655.922.969	-	(9.655.922.969)	11.386.936.045	20.000.000	(11.366.936.045)

6. Phải thu khác

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	19.376.750.378	17.066.495.906
Tạm ứng	735.395.917	1.205.986.981
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.183.877.000	41.560.000
Phải thu ngắn hạn khác	17.457.477.461	15.818.948.925
b) Dài hạn	2.460.799.149	2.390.704.026

Ký quỹ ký cược dài hạn	2.460.799.149	2.390.704.026
Cộng	21.837.549.527	19.457.199.932

7. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.619.706.753	-	12.231.789.970	-
Công cụ, dụng cụ	15.643.918	-	11.308.918	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	204.894.626.050	-	204.320.237.825	-
Thành phẩm	3.382.009.406	(158.975.217)	3.927.623.136	(194.081.622)
Hàng hoá bất động sản	13.060.338.642	-	88.092.658.011	-
Hàng gửi đi bán	-	-	16.086.113	-
Cộng	233.972.324.769	(158.975.217)	308.599.703.973	(194.081.622)

8. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	249.226.334	62.518.765
Chi phí mua bảo hiểm	52.365.658	60.495.337
Hoa hồng môi giới	55.555.556	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	141.305.120	2.023.428
b) Dài hạn	8.688.786.125	10.933.960.598
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.322.978.601	6.160.456.510
Chi phí sửa chữa thường xuyên	686.430.649	717.363.929
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.679.376.875	4.056.140.159
Cộng	8.938.012.459	10.996.479.363

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	13.480.032.414	40.143.027.612	9.930.827.889	376.544.303	35.251.930.518	99.182.362.736
Mua trong năm	352.692.000	1.246.918.529	-	182.454.545	310.674.973	2.092.740.047
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.655.108.007	-	-	190.100.000	-	1.845.208.007
Thanh lý, nhượng	-	(1.690.580.976)	-	-	-	(1.690.580.976)

bán						
Tăng do hợp nhất kinh doanh	15.487.832.421	39.699.365.165	9.930.827.889	749.098.848	35.562.605.491	101.429.729.814
Số dư cuối năm	13.480.032.414	40.143.027.612	.930.827.889	376.544.303	35.251.930.518	99.182.362.736

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	8.939.658.452	25.794.112.967	5.427.326.894	167.353.574	19.657.498.550	59.985.950.437
Khấu hao trong năm	581.371.317	2.166.643.639	719.130.857	100.986.807	3.947.031.799	7.515.164.419
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.690.580.976)	-	-	-	(1.690.580.976)
Số dư cuối năm	9.521.029.769	26.270.175.630	6.146.457.751	268.340.381	23.604.530.349	65.810.533.880

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	4.540.373.962	14.348.914.645	4.503.500.995	209.190.729	15.594.431.968	39.196.412.299
Tại ngày cuối năm	5.966.802.652	13.429.189.535	3.784.370.138	480.758.467	11.958.075.142	35.619.195.934

	31/12/2020	01/01/2020
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay	11.459.343.013	28.387.494.714
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	29.220.460.057	26.567.574.215

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mỏ đá	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	450.172.500	2.885.364.102	3.335.536.602
Mua trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	450.172.500	2.885.364.102	3.335.536.602
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	332.046.169	790.775.522	1.122.821.691
Tăng do hợp nhất kinh doanh	28.135.784	1.127.790.002	1.155.925.786
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	360.181.953	1.918.565.524	2.278.747.477
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	125.160.278	2.087.554.633	2.212.714.911
Tại ngày cuối năm	97.024.494	959.764.631	1.056.789.125

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 97.024.494 đồng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
--	------------	------------

Mỏ đá Châu Pha	175.330.029	2.013.158.036
Chi phí hạ cote 30 Mỏ đá Châu Pha	411.727.273	-
Cộng	587.057.302	2.013.158.036

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2020	01/01/2020
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	695.647.681	588.981.114
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	695.647.681	588.981.114

13. Phải trả người bán

Phải trả người bán	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	70.802.167.595	70.802.167.595	87.184.666.179	87.184.666.179
- Công ty CP Phát triển và Kinh doanh Nhà	7.072.297.399	7.072.297.399	21.391.250.003	21.391.250.003
- Công ty Kim Hưng Phát	9.338.072.873	9.338.072.873	2.880.628.660	2.880.628.660
- Các nhà cung cấp khác	54.391.797.323	54.391.797.323	62.912.787.516	62.912.787.516
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	70.802.167.595	70.802.167.595	87.184.666.179	87.184.666.179

- c) **Phải trả người bán là các bên liên quan**
 Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.3

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	24.809.000.097	42.029.726.149
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng 1, TP. Vũng Tàu	5.682.365.112	15.857.164.000
- Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh BR – VT	-	15.401.251.922
- Công ty CP Phú Hòa ADP	-	10.279.322.086
- Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	17.172.857.194	-

- Các khách hàng khác	1.953.777.791	491.988.141
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Cộng	42.029.726.149	24.212.602.385
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.3		

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
a) Phải nộp	10.444.417.600	31.096.947.065	26.720.283.185	14.821.081.480
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp ở chi nhánh	1.948.644.936	17.321.420.209	7.691.474.709	11.578.590.436
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.778.332.540	4.307.906.788	7.226.105.805	2.860.133.523
- Thuế thu nhập cá nhân	111.762.684	867.442.383	843.336.940	135.868.127
- Thuế tài nguyên	1.306.083.440	4.187.648.250	5.427.276.850	66.454.840
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	742.939.582	1.309.442.627	2.050.602.128	1.780.081
- Các loại thuế khác	-	660.562.996	660.562.996	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	556.654.418	2.442.523.812	2.820.923.757	178.254.473
b) Phải thu	408.736.563	408.736.563	-	-
- Thuế GTGT nộp thừa ở trụ sở chính	408.736.563	408.736.563	-	-

16. Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
a) Chi phí phải trả ngắn hạn	4.184.384.044	8.563.999.530
Lãi trái phiếu từ ngày 25/7 đến ngày 31/12	-	438.356.164
Công trình Bệnh viện Vũng Tàu	-	1.213.641.750
Khách sạn 115 Trương Công Định	-	4.344.002.433
Công trình Chung cư Đông Thuận 1 và 2	554.121.402	2.290.201.620
Khách sạn Kiều Anh	1.224.404.921	-
Công trình Long Sơn -LSP	1.133.884.323	-
Chi phí lắp đặt phòng mổ Bệnh viện Vũng Tàu	1.207.907.500	-
Hoa hồng cửa nhựa	9.065.898	85.349.700

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	55.000.000	192.447.863
b) Chi phí phải trả dài hạn	3.768.283.054	3.828.851.078
Chi phí chuyển đổi mục đích đất (khu Gò cát)	3.768.283.054	3.828.851.078
Cộng	<u>7.952.667.098</u>	<u>12.392.850.608</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
a) Ngắn hạn	83.547.176.067	80.351.550.268
- Chung cư Ruby Tower	69.564.768.149	58.898.111.403
- Công trình Đông Thuận	-	1.952.529.997
- Công trình Resort Lăng Cô Huế	13.982.407.918	19.488.461.868
- Doanh thu chưa thực hiện khác	-	12.447.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	<u>83.547.176.067</u>	<u>80.351.550.268</u>

18. Phải trả khác

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
a) Ngắn hạn	1.816.945.263	3.697.378.629
- Kinh phí công đoàn	330.528.470	337.888.438
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	210.000.000	2.280.508.000
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông	37.268.400	24.853.800
- Phải trả ngắn hạn khác	1.239.148.393	1.054.128.391
b) Dài hạn	796.600.000	796.600.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	796.600.000	796.600.000
Cộng	<u>2.613.545.263</u>	<u>4.493.978.629</u>

19. Vay và nợ thuê tài chính

	<u>01/01/2020</u>	<u>Trong năm</u>		<u>31/12/2020</u>
		<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	
a) Vay ngắn hạn	70.970.208.163	244.598.086.757	275.163.104.923	40.405.189.997
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam ⁽¹⁾	62.784.136.122	230.188.328.148	255.709.616.477	37.262.847.793

- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Việt Nam	-	6.167.753.693	6.167.753.693	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	5.310.937.554	-	5.310.937.554	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽²⁾	2.075.134.487	6.942.004.916	5.874.797.199	3.142.342.204
- Vay cá nhân	800.000.000	1.300.000.000	2.100.000.000	-
b) Vay dài hạn	-	-	-	-
Cộng	70.970.208.163	244.598.086.757	275.163.104.923	40.405.189.997

(1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/601139/HĐTĐ ngày 21/09/2020. Hạn mức tín dụng là 320 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn: 265 tỷ đồng. Hạn mức thấu chi: 5 tỷ đồng. Lãi suất vay 7,1% - 7,7%/năm, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 21/09/2020. Vay để bổ sung vốn lưu động. Số dư nợ vay tại 31/12/2020 là 36.333.514.513 đồng.

Hợp đồng trên được đảm bảo theo Biên bản định giá lại tài sản thế chấp số 01/2020/601139/BBĐGL tháng 11/2020, tổng giá trị tài sản đảm bảo 24,02 tỷ đồng và Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ/các khoản phải thu số 01/2020/601139 ngày 21/09/2020 với tổng giá trị tài sản thế chấp là 485,8 tỷ đồng.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/609911 ngày 02/06/2020. Hạn mức cấp tín dụng: 7 tỷ. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 02/06/2020. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất: 6,7 - 7,7 %/năm. Vay để bổ sung vốn lưu động. Số dư nợ vay tại 31/12/2020 là 929.333.280 đồng.

Tài sản đảm bảo cho hợp đồng trên:

Toàn bộ tài sản gắn liền với đất của Công ty CP Vật liệu Xây dựng DIC tại thửa số 54, 299, tờ bản đồ số 37; diện tích 231.351,6 m² số AP 878267 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 12 năm 2009. Tài sản gắn liền với đất bao gồm nhưng không giới hạn: Nhà văn phòng, nhà xe, hệ thống kiểm soát ra vào bãi đá. Tổng giá trị đảm bảo: 2.170.925.906 đồng.

Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 02/202/609911/HĐBĐ ngày 05/06/2020 của bên thứ 3 là ông Trần Gia Phúc. Giá trị đảm bảo: 2.000.000.000 đồng.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 2020-DIC/HĐHM ngày 24/04/2020. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 2020-DIC/HĐHM/SĐBS 01. Hạn mức vay: 3,2 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 24/04/2020. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng kế ước nhận nợ. Lãi suất: 6,7 - 6,8%/năm. Vay để bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác tài nguyên theo Giấy phép khai thác mỏ sét Mỹ Xuân 3, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số 21GP-UBND do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12/11/2009. Xe xúc lật bánh lốp, công suất động cơ 162KW, màu vàng.
Tổng giá trị tài sản đảm bảo: 9.126.460.370 đồng.

20. Trái phiếu chuyển đổi

Năm 2016 Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi theo Công văn số 8661/UBCK-QLCB ngày 30/12/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tên trái phiếu : Trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings
 Loại trái phiếu : Trái phiếu chuyển đổi không có tài sản đảm bảo
 Mục đích phát hành : Đầu tư xây dựng mới dự án “Văn phòng kết hợp chung cư – TDC”

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 VND
Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ:		
Kỳ hạn trái phiếu	36 tháng kể từ ngày phát hành	36 tháng kể từ ngày phát hành
Mệnh giá trái phiếu	100.000 đồng/Trái phiếu	100.000 đồng/Trái phiếu
Số lượng trái phiếu	100.000 Trái phiếu	200.000 Trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu	10.000.000.000 đồng	20.000.000.000 đồng
Lãi suất trái phiếu	Lãi suất cố định 10%	Lãi suất cố định 10%
Phương thức trả gốc và lãi	Lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 6 tháng/lần Là trái phiếu bắt buộc chuyển đổi thành cổ phiếu nên Công ty không thực hiện trả gốc vào ngày đáo hạn trái phiếu	Lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 6 tháng/lần Là trái phiếu bắt buộc chuyển đổi thành cổ phiếu nên Công ty không thực hiện trả gốc vào ngày đáo hạn trái phiếu
Thời hạn chuyển đổi	Đợt 1: Sau 18 tháng thực hiện chuyển đổi 50% số lượng trái phiếu thành cổ phiếu Đợt 2: Vào ngày đáo hạn của trái phiếu thực hiện chuyển đổi tiếp 50% số lượng trái phiếu còn lại thành cổ phiếu	Đợt 1: Sau 18 tháng thực hiện chuyển đổi 50% số lượng trái phiếu thành cổ phiếu Đợt 2: Vào ngày đáo hạn của trái phiếu thực hiện chuyển đổi tiếp 50% số lượng trái phiếu còn lại thành cổ phiếu
Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu	1 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng	1 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng
Trái phiếu chuyển đổi phát hành thêm trong kỳ:	-	-
Trái phiếu chuyển đổi được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ:		
Số lượng trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu	100.000 Trái phiếu	-
Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi tăng vốn chủ sở hữu	10.000.000.000 đồng	-
Trái phiếu chuyển đổi đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ:	-	-

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 VND
Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm cuối kỳ:		
Kỳ hạn trái phiếu	-	36 tháng kể từ ngày phát hành
Mệnh giá trái phiếu	-	100.000 đồng/Trái phiếu
Số lượng trái phiếu	-	100.000 Trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu	-	10.000.000.000 đồng
Lãi suất trái phiếu	-	Lãi suất cố định 10%
Phương thức trả gốc và lãi	-	Lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 6 tháng/lần Là trái phiếu bắt buộc chuyển đổi thành cổ phiếu nên Công ty không thực hiện trả gốc vào ngày đáo hạn trái phiếu
Thời hạn chuyển đổi	-	Đợt 1: Sau 18 tháng thực hiện chuyển đổi 50% số lượng trái phiếu thành cổ phiếu Đợt 2: Vào ngày đáo hạn của trái phiếu thực hiện chuyển đổi tiếp 50% số lượng trái phiếu còn lại thành cổ phiếu
Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu	-	1 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng
Thuyết minh về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ		
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Công ty liên kết	8.000.000.000	8.000.000.000
Ông Lê Đình Thắng - Chủ tịch HĐQT	1.300.000.000	550.000.000
Ông Nguyễn Văn Đa - Tổng Giám đốc	250.000.000	250.000.000
Ông Trần Gia Phúc - Giám đốc Công ty con	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Thiện Tuấn - Chủ tịch HĐQT DIC Corp	-	750.000.000
Ông Trần Minh Phú – Phó Chủ tịch HĐQT DIC Corp	250.000.000	250.000.000

21. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Chi phí ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá	1.372.524.313	845.683.832
Chi phí ký quỹ phục hồi môi trường mỏ sét	636.639.027	566.579.904
Cộng	<u>2.009.163.340</u>	<u>1.412.263.736</u>

22. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông thiểu số	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	110.000.000.000	6.956.631.157	11.746.590.567	15.685.860.807	-	144.389.082.531
Tăng vốn năm 2019	169.002.360.000	-	-	-	-	169.002.360.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	940.415.363	940.415.363
Lãi trong năm 2019	-	-	-	25.633.957.186	-	25.633.957.186
Trích lập các quỹ	-	-	690.630.011	(2.762.520.045)	-	(2.071.890.034)
Chia cổ tức	10.997.640.000	-	-	(10.997.640.000)	-	-
Biến động khác	-	(150.717.370)	-	-	-	(150.717.370)
Số dư cuối năm trước	290.000.000.000	6.805.913.787	12.437.220.578	27.559.657.948	940.415.363	337.743.207.676
Số dư đầu năm nay	290.000.000.000	6.805.913.787	12.437.220.578	27.559.657.948	940.415.363	337.743.207.676
Tăng vốn năm 2019	15.000.000.000	(5.000.000.000)	-	-	-	10.000.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	31.576.189.478	-	31.576.189.478
Lãi trong năm 2019	-	-	1.047.023.589	(5.408.437.128)	-	(4.361.413.539)
Trích lập các quỹ	14.997.580.000	-	-	(20.997.580.000)	-	(6.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	641.240.209	641.240.209
Biến động khác	-	(91.500.000)	-	-	(17.534.334)	(109.034.334)
Số dư cuối năm nay	319.997.580.000	1.714.413.787	13.484.244.167	32.729.830.298	1.564.121.238	369.490.189.490

Trong năm 2020, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD.2020 ngày 30/05/2020.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2020</u>	%	<u>01/01/2020</u>	%
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	128.039.380.000	40,01	113.942.290.000	39,29
Công ty TNHH Backathome.com	15.015.000.000	4,47	14.300.000.000	4,93
Công ty CP Phát triển và Kinh doanh nhà (HDTC)	84.000.000.000	26,25	80.000.000.000	27,59
Lê Đình Thắng	33.758.650.000	10,55	30.136.810.000	10,39
Các cổ đông khác	59.184.550.000	18,72	51.620.900.000	17,80
Cộng	<u>319.997.580.000</u>	100	<u>290.000.000.000</u>	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	290.000.000.000	110.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	29.997.580.000	180.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	319.997.580.000	290.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.999.758	29.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.999.758	29.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	31.999.758	29.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.999.758	29.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	31.999.758	29.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

23. Các khoản mục ngoài bản cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2020	01/01/2020
Nợ khó đòi đã xử lý	5.674.664.085	5.674.664.085
Vũ Minh Nguyệt	124.429.058	124.429.058
Công ty Andes	114.991.409	114.991.409
Nguyễn Hữu Tiệp	1.159.822.487	1.159.822.487
Đặng Văn Hoà	96.000.000	96.000.000
Nguyễn Công Dũng	16.149.602	16.149.602
Trần Thị Duyên	40.784.000	40.784.000
Công ty TNHH TM DV Thanh Châu	2.441.799.074	2.441.799.074
Công ty CP Xi măng Fi Co Tây Ninh	1.680.688.455	1.680.688.455

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng	86.835.526.555	5.601.729.222
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.500.583.122	3.211.145.692
Doanh thu hợp đồng xây dựng	250.333.090.771	339.980.296.095
Doanh thu kinh doanh bất động sản	79.597.074.789	20.068.340.843
Doanh thu cửa nhựa	43.796.852.324	36.088.593.407
Cộng	<u>466.063.127.561</u>	<u>404.950.105.259</u>
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	144.913.035.371	183.425.628.502
Công ty CP Phát triển và Kinh Doanh Nhà	6.796.307.871	51.037.080.014
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Bê tông	8.765.714.456	-
Cộng	<u>160.475.057.698</u>	<u>234.462.708.516</u>
2. Giá vốn hàng bán	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	57.281.572.622	5.601.729.222
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	770.836.393	131.692.423
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	228.036.126.521	305.817.958.307
Giá vốn Bất động sản đầu tư	75.260.711.152	18.097.417.805
Giá vốn của cửa nhựa	28.852.382.570	29.290.584.553
Cộng	<u>390.201.629.258</u>	<u>358.939.382.310</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	903.938.291	1.100.280.331
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	249.230.038
Cộng	<u>903.938.291</u>	<u>1.349.510.369</u>
4. Chi phí tài chính	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.739.477.830	3.456.126.013
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	57.272.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	7.450.725
Dự phòng/ (Hoàn nhập) giảm giá đầu tư tài chính	-	(153.595.258)
Cộng	<u>4.739.477.830</u>	<u>3.367.253.480</u>

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a) Các khoản chi phí bán hàng	5.366.786.403	1.629.988.443
Chi phí cho nhân viên bán hàng	573.791.630	-
Chi phí bảo hành	310.209.777	566.827.233
Chi phí hoa hồng môi giới	688.902.262	1.063.161.210
Chi phí vận chuyển	2.654.201.827	-
Chi phí bán hàng khác	1.139.680.907	-
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	28.716.245.219	12.130.779.795
Chi phí nhân viên quản lý	13.385.558.010	8.185.416.102
Các khoản chi phí quản lý khác	10.305.143.803	5.719.323.652
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.712.969.630)	(1.773.959.959)
Lợi thế thương mại	6.738.513.036	-

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý tài sản	154.545.454	20.454.501
Thu tiền phạt vi phạm an toàn lao động	16.000.000	24.500.000
Phí thay đổi thông tin	48.909.091	76.363.636
Thu tiền đền bù lô đất Gò Cát	-	503.470.000
Xóa nợ phải trả	47.163.469	1.342.703.972
Thu hồi tiền đặt cọc môi giới, mua căn hộ	459.492.700	-
Các khoản khác	41.617.772	78.459.549
Cộng	<u>767.728.486</u>	<u>2.045.951.658</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản bị phạt	638.586.856	78.353.381
Thuế GTGT bị truy thu	49.044.059	9.399.800
Phí bảo vệ môi trường năm 2017, 2018, 2019	201.797.700	-
Chi phí khác	54.854.498	-
Cộng	<u>944.283.113</u>	<u>87.753.181</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.085.234.241	6.573.657.235
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành các năm trước	222.672.547	18.799.600
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	<u>4.307.906.788</u>	<u>6.592.456.835</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.633.957.186	13.812.600.226
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	(2.071.890.034)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.071.890.034)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.633.957.186	11.740.710.192
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	25.633.957.186	11.740.710.192
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.553.771	10.047.447
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	15.553.771	11.047.447
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.761</u>	<u>1.169</u>
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.648</u>	<u>1.063</u>

EPS năm trước được điều chỉnh hồi tố do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHCD.2020 ngày 30/05/2020 và chia cổ tức bằng cổ phiếu.

EPS năm nay chưa bao gồm số sẽ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHCD.2020 ngày 30/05/2020 chưa có kế hoạch phân phối quỹ năm 2020. EPS năm nay được điều chỉnh do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty con.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	178.566.825.111	70.096.170.881
Chi phí nhân công	72.370.654.375	57.554.947.859
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.671.090.205	2.670.025.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.928.732.121	4.858.409.444
Chi phí khác bằng tiền	22.115.767.794	2.310.200.304
Cộng	331.653.069.606	137.489.753.624

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện Pháp lý

Đối với nợ phải thu bà Dương Thị Thục. Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/HTKD ngày 20/02/2008 giữa công ty với Bà Dương Thị Thục, hai bên tham gia góp vốn để thực hiện dự án Long Điền (Khu dự án nhà ở Quốc lộ 55 huyện Long Điền) tỷ lệ góp vốn: 50%:50%; Tổng mức đầu tư của dự án là: 93.868.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Xây dựng Dic Holdings đã góp vốn 9.374.212.500 đồng. Theo Biên bản họp HĐQT số 157/BB-DIC 4 ngày 21/02/2012 công ty quyết định chấm dứt thực hiện dự án và làm hồ sơ khởi kiện bà Thục tại tòa dân sự để thu hồi vốn. Theo Quyết định số 21/2013/QĐST-DSST ngày 01/04/2013 của tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu: Bà Dương Thị Thục có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây dựng Dic Holdings toàn bộ số nợ trên và khoản lãi phát sinh trong thời hạn kể từ ngày 22/03/2013 đến ngày 30/06/2015. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Bà Thục vẫn chưa thanh toán cho Công ty các khoản gốc và lãi nêu trên và Công ty cũng đã trích lập dự phòng 100% khoản nợ phải thu này.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm toán nội bộ trong năm như sau:

Thành viên		Năm nay	Năm trước
Lê Đình Thắng	Chủ tịch HĐQT	1.192.030.358	998.241.672
Nguyễn Văn Đa	Phó Chủ tịch HĐQT	840.879.545	722.909.242
Trần Gia Phúc	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	75.833.334	292.226.363
Hoàng Thị Hà	Thành viên HĐQT	70.000.000	60.000.000
Võ Việt Trung	Thành viên HĐQT	80.000.000	75.000.000
Nguyễn Văn Tần	Phó Tổng Giám đốc	489.676.081	453.350.068
Nguyễn Tuyết Hoa	Phó Tổng Giám đốc	556.850.606	490.969.658
Võ Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	486.551.360	214.365.455
Nguyễn Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc	379.353.961	-
Nguyễn Văn Tuyển	Phó Tổng Giám đốc	405.785.303	-
Bùi Đình Phong	Thư ký HĐQT	440.434.091	402.831.818
Cộng		5.017.394.639	3.709.894.276

Trong năm, công ty có phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	Công ty liên kết	Phải thu ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	159.404.338.908
		Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	548.720.100
		Phải thu khác ngắn hạn	37.505.000
Công ty CP Phát triển và Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	Phải thu ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	7.857.819.604
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Bê tông	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	9.789.544.599
		Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	9.052.259.750
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC) số 2	Công ty cùng tập đoàn	Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	954.840.000
Công ty TNHH Du lịch DIC	Công ty cùng tập đoàn	Phải trả ngắn hạn về cung cấp dịch vụ	20.290.000
Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC	Công ty cùng tập đoàn	Phải trả ngắn hạn về cung cấp dịch vụ	28.135.000

Cho đến ngày 31/12/2020, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	Công ty liên kết	Phải thu ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	71.878.401.000
		Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	(314.197.913)
		Phải thu khác ngắn hạn	37.166.959
Công ty CP Phát triển và Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	Phải thu ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	16.253.285.911
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Bê tông	Công ty cùng tập đoàn	Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	(7.072.297.399)
		Phải thu ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	6.611.956.429
		Phải trả ngắn hạn về cung cấp sản phẩm	(5.201.842.770)

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ ở trong nước, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ của các bộ phận báo cáo theo hoạt động sau:

Bộ phận Kinh doanh VLXD.

Bộ phận Kinh doanh Dịch vụ cho thuê mặt bằng.

Bộ phận Kinh doanh Xây dựng.

Bộ phận Kinh doanh Bất động sản.

Bộ phận Sản xuất cửa nhựa.

Kết quả kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh như được trình bày sau đây:

Năm nay	Kinh doanh VLXD	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản	Sản xuất cửa	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận	86.835.526.555	5.500.583.122	250.333.090.771	79.597.074.789	43.796.852.324	466.063.127.561
Chi phí bộ phận	(57.281.572.622)	(770.836.393)	(228.036.126.521)	(75.260.711.152)	(28.852.382.570)	(390.201.629.258)
Kết quả kinh doanh	29.553.953.933	4.729.746.729	22.296.964.250	4.336.363.637	14.944.469.754	75.861.498.303
Doanh thu tài chính						903.938.291
Chi phí tài chính						(4.739.477.830)
Chi phí bán hàng						(5.366.786.403)
Chi phí QLDN						(28.716.245.219)
Thu nhập khác						767.728.486
Chi phí khác						(944.283.113)
Thuế TNDN hiện hành						(4.307.906.788)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả						(1.241.036.040)
Lợi nhuận sau thuế						32.217.429.687
Năm trước	Kinh doanh VLXD	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản	Sản xuất cửa	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận	5.601.729.222	3.211.145.692	339.980.296.095	20.068.340.843	36.088.593.407	404.950.105.259
Chi phí bộ phận	(5.601.729.222)	(131.692.423)	(305.817.958.307)	(18.097.417.805)	(29.290.584.553)	(358.939.382.310)
Kết quả kinh doanh	-	3.079.453.269	34.162.337.788	1.970.923.038	6.798.008.854	46.010.722.949
Doanh thu tài chính						1.349.510.369
Chi phí tài chính						(3.367.253.480)
Chi phí bán hàng						(1.629.988.443)
Chi phí QLDN						(12.130.779.795)
Thu nhập khác						2.045.951.658
Chi phí khác						(87.753.181)
Thuế TNDN hiện hành						(6.592.456.835)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả						36.003.944
Lợi nhuận sau thuế						25.633.957.186

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.607.004.509	31.037.855.719		45.607.004.509
Phải thu khách hàng và phải thu khác	209.050.967.096	182.488.547.908		209.050.967.096
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	488.109	10.000.488.109		488.109
Cộng	254.658.459.714	223.526.891.736		254.658.459.714
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	40.405.189.997	70.970.208.163		40.405.189.997
Chi phí phải trả	7.952.667.098	12.392.850.608		7.952.667.098
Phải trả người bán và phải trả khác	73.085.184.388	91.340.756.370		73.085.184.388
Cộng	121.443.041.483	174.703.815.141		121.443.041.483

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2020 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị sổ sách.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

6. Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay vào ngày 31/12/2019 và vào ngày 31/12/2020 (xem thuyết minh V.9, V.10 và V.19). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2019 và vào ngày 31/12/2020.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Tổng cộng
Số cuối năm	116.878.158.429	4.564.883.054	121.443.041.483
Vay và nợ thuê tài chính	40.405.189.997	-	40.405.189.997
Phải trả người bán	70.802.167.595	-	70.802.167.595
Chi phí phải trả	4.184.384.044	3.768.283.054	7.952.667.098
Các khoản phải trả khác	1.486.416.793	796.600.000	2.283.016.793
Số đầu năm	170.078.364.063	4.625.451.078	174.703.815.141
Vay và nợ thuê tài chính	70.970.208.163	-	70.970.208.163
Phải trả người bán	87.184.666.179	-	87.184.666.179
Chi phí phải trả	8.563.999.530	3.828.851.078	12.392.850.608
Các khoản phải trả khác	3.359.490.191	796.600.000	4.156.090.191

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

11. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Trên đây là toàn văn báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings.

Trân trọng ./.

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CP XD DIC HOLDINGS

Người đại diện theo pháp luật



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Đình Thắng